



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

**9**

Tháng 05 - 2010

# TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VIETBUILD ĐÀ NẴNG 2010 XÂY DỰNG - VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2010



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Các đại biểu tham dự Lễ Khai mạc Triển lãm

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI MỘT**

**9**

**SỐ 9 - 05/2010**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 567/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 5
- Nghị định số 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng 6
- Thông tư số 08/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu 8
- Thông tư số 09/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp 8
- Thông tư liên tịch số 50/2010/TTLT-BTC-BXD của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở 9

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh 11
- Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang 13



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện đấu thầu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang 14

### Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiên cứu đề tài:

+ Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: Phương pháp thử các tính chất hoá học của cốt liệu 17

- Hội thảo chuyên đề: Các giải pháp thiết kế, thi công, tiết kiệm chi phí và vai trò kiểm tra an toàn mặt dựng kính cho nhà cao tầng 19

- Hội thảo Kinh nghiệm triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng và hiệu quả của Liên minh Châu Âu và Bungari - ứng dụng phần mềm tính toán hiệu quả năng lượng trong điều kiện Việt Nam 22

- Soát xét, xây dựng mới tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật phục vụ chương trình phát triển vật liệu xây không nung 24

- Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 4/2010 26

- Phân tích vấn đề tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng dân dụng ở Trung Quốc 29

- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 32

### Thông tin

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân hội đàm với Bộ trưởng Maehara Seiji - Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản 34

- Hội thảo quốc tế: Các giải pháp đầu tư, sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung 35

- Nhà máy xi măng Hạ Long chính thức khánh thành 37

- Thị trấn Vĩnh Châu được công nhận là đô thị loại IV 39

- Nghiên cứu tích nước hồ chứa công trình nhà máy thủy điện Sơn La 40

- Công ty cổ phần xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh kỷ niệm 35 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì 41

- Tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh phát triển 43

- Các công trình tổ hợp đa năng làm đẹp cho thành phố Minsk 47



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 567/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020**

Ngày 28/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 567/QĐ-TTG về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020. Theo đó, quan điểm phát triển của Chương trình là phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đáp ứng nhu cầu sử dụng của xã hội; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất nông nghiệp, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường; Tận dụng tối đa các nguồn phế thải các ngành công nghiệp khác; Phát triển các cơ sở sản xuất với quy mô công suất hợp lý, công nghệ tiên tiến; từng bước nội địa hóa việc chế tạo thiết bị cho dây chuyền sản xuất vật liệu xây không nung; đa dạng hóa về kích thước sản phẩm cho phù hợp với thực tế thi công các công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu về chất lượng; Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất và kinh doanh vật liệu xây không nung.

Mục tiêu chung của Chương trình nhằm phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung để thay thế gạch đất sét nung, tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, giảm thiểu khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu than, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội.

Chương trình đề ra mục tiêu cụ thể về phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 20 - 25% vào năm 2015, 30 - 40% vào năm 2020;

Hàng năm sử dụng khoảng 15 - 20 triệu tấn phế thải công nghiệp (tro xỉ nhiệt điện, xỉ lò cao...) để sản xuất vật liệu xây không nung, tiết kiệm được khoảng 1.000 ha đất nông nghiệp và hàng trăm ha diện tích đất chứa phế thải; Tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công.

Về các nhóm giải pháp chính thực hiện chương trình, ngoài các chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi và hỗ trợ khác theo các quy định hiện hành, các dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên được hưởng ưu đãi như đối với các dự án thuộc chương trình cơ khí trọng điểm; Chi phí chuyển giao công nghệ ở các dự án có chi phí chuyển giao được thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 39 Luật chuyển giao công nghệ; Nhóm giải pháp về khoa học kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền.

Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương công bố, phổ biến, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chương trình; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung cụ thể của Chương trình; thực hiện các giải pháp về KHCN để phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung; lập danh mục các loại thiết bị, vật tư sản xuất vật liệu xây không nung được miễn thuế nhập khẩu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Nghị định số 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng**

Ngày 07/5/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 48/2010/NĐ-CP về hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên. Đối với hợp đồng xây dựng thuộc các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác thì thực hiện theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

Nghị định quy định rõ, hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên để thực hiện một, một số hay toàn bộ công việc trong hoạt động xây dựng.

Xét theo tính chất công việc, hợp đồng xây dựng bao gồm: Hợp đồng tư vấn xây dựng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình; Hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ; Hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng công trình (EC); Hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ (EP); Hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (PC); Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC); Hợp đồng tổng thầu chìa khóa trao tay.

Xét theo giá hợp đồng, hợp đồng xây dựng có các loại: Hợp đồng trọn gói; Hợp đồng theo đơn giá cố định; Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; Hợp đồng theo thời gian; Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%).

Hợp đồng xây dựng được ký kết theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; được ký kết sau khi bên giao thầu hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu theo quy định và các bên đã kết thúc quá trình đàm phán hợp đồng.

Giá ký kết hợp đồng không được vượt quá giá trúng thầu (trường hợp đấu thầu), không vượt dự toán gói thầu được duyệt (trường hợp chỉ định thầu); trường hợp bổ sung khối lượng công việc hoặc số lượng thiết bị nằm ngoài khối lượng hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) dẫn đến giá ký kết hợp đồng vượt giá trúng thầu (giá đề xuất) nhưng không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư được quyền quyết định; nếu làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định.

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng về phạm vi công việc, yêu cầu chất lượng, số lượng, chủng loại, thời hạn, phương thức và các thỏa thuận khác trong hợp đồng; thực hiện hợp đồng xây dựng trung thực, theo tinh thần hợp tác, bảo đảm tin cậy lẫn nhau và đúng pháp luật; không xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Thông tin về hợp đồng xây dựng phải được ghi trong hợp đồng, bao gồm: Loại hợp đồng, số hợp đồng, tên gói thầu, tên dự án, địa điểm xây dựng và căn cứ ký kết hợp đồng; Tên giao dịch của các bên tham gia ký kết hợp đồng, đại diện của các bên, địa chỉ đăng ký kinh doanh hay địa chỉ giao dịch, mã số thuế, giấy đăng ký kinh doanh, số tài khoản, điện thoại, fax, email, thời gian và địa điểm ký kết hợp đồng, các thông tin liên quan khác.

Hợp đồng xây dựng chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, trừ trường hợp hợp đồng xây dựng có sự tham gia của phía nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng Anh. Khi hợp đồng

xây dựng được ký kết bằng hai ngôn ngữ thì các bên phải thỏa thuận về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng (nếu có).

Việc điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng theo hợp đồng đã ký. Khi điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng không làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh, trường hợp vượt tổng mức đầu tư thì phải báo cáo người quyết định đầu tư cho phép.

Đối với hợp đồng trọn gói thì chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng đã ký.

Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh và hợp đồng theo thời gian. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại giá hợp đồng, tính chất công việc trong hợp đồng xây dựng. Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện thông qua điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh khối lượng.

Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian, khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá có biến động bất thường hoặc khi Nhà nước thay đổi chính sách thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng.

Nghị định quy định mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng xây dựng như 25% giá hợp đồng đối với hợp đồng tư vấn; 10% giá hợp đồng thi công xây dựng đối với hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, 15% đối với hợp đồng thi công xây dựng có giá trị từ 10-50 tỷ đồng, 20% đối với

các hợp đồng thi công xây dựng có giá trị dưới 10 tỷ đồng.

Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác, mức tạm ứng tối thiểu là 10%.

Mức tạm ứng tối đa là 50% giá hợp đồng, trường hợp đặc biệt thì phải được Người quyết định đầu tư cho phép.

Tiền tạm ứng được bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên, mức thu hồi từng lần do hai bên thống nhất ghi trong hợp đồng, kết thúc thu hồi khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng.

Việc thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng phải được ghi cụ thể trong hợp đồng; mức thưởng, phạt do các bên tự thỏa thuận nhưng tương ứng không được vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng làm lợi, hợp đồng bị vi phạm.

Theo Nghị định quy định, bảo hiểm công trình xây dựng do chủ đầu tư mua. Trường hợp phí bảo hiểm này đã được tính vào giá hợp đồng thì bên nhận thầu thực hiện mua bảo hiểm công trình theo quy định. Bên nhận thầu phải thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm thiết bị, bảo hiểm đối với bên thứ ba) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật.

Bên nhận thầu có trách nhiệm bảo hành công trình, bảo hành thiết bị theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I, thời hạn bảo hành không ít hơn 24 tháng kể từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, mức bảo hành là 3% giá trị hợp đồng. Đối với các công trình còn lại, thời hạn bảo hành không ít hơn 12 tháng, mức bảo hành là 5% giá trị hợp đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2010. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì các quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng hết hiệu lực thi hành.

**(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))**

## **Thông tư số 08/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu**

Ngày 21/4/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 08/2010/TT-BKH quy định chi tiết lập Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thẩm định kết quả đấu thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn (trường hợp nhà thầu là tổ chức), mua sắm hàng hóa, xây lắp của các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu khi thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong nước và quốc tế. Đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu khác, cơ quan, tổ chức thẩm định có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu Báo cáo để áp dụng cho phù hợp.

Cơ quan, tổ chức thẩm định thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu.

Khi tiến hành thẩm định, cơ quan, tổ chức thẩm định cần căn cứ vào các tài liệu do bên mời thầu cung cấp, báo cáo đánh giá hồ sơ dự

thầu của tổ chuyên gia đấu thầu hoặc tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện việc đánh giá hồ sơ dự thầu, ý kiến đánh giá của từng thành viên trực tiếp tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu và các tài liệu liên quan nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan trong việc thẩm định về kết quả đấu thầu. Việc thẩm định không phải là đánh giá lại hồ sơ dự thầu.

Mẫu Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu kèm theo Thông tư này bao gồm các nội dung cơ bản: Khái quát về dự án, gói thầu; Tóm tắt quá trình đấu thầu; Tổng hợp kết quả thẩm định; Nhận xét và kiến nghị.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2010 và thay thế Quyết định số 1068/2008/QĐ-BKH ngày 15/8/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu.

(Xem toàn văn tại: [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn))

## **Thông tư số 09/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp**

Ngày 21/4/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 09/2010/TT-BKH quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp.

Đối tượng áp dụng của Thông tư là tổ chuyên gia đấu thầu hoặc tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện công tác đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp ... đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp của các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu khi thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong

nước và quốc tế.

Đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp thuộc các dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định về đấu thầu trong Điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam đã ký kết.



Mẫu Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp gồm các nội dung: Thông tin cơ bản; Tóm tắt quá trình đấu thầu; Kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu; Kết luận và kiến nghị; Chữ ký xác nhận của các thành viên tổ chuyên gia đấu thầu.

Khi áp dụng Mẫu Báo cáo này, tổ chức, cá nhân lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, văn bản yêu cầu và giải thích làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản yêu cầu và giải thích rõ hồ sơ dự thầu, ý kiến các thành viên trực tiếp tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu và các tài liệu liên quan nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan, minh bạch của kết quả đấu thầu.

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia đấu thầu, bên mời thầu có nhiệm vụ trình kết quả đấu thầu để chủ đầu tư xem xét, quyết định. Người trình kết quả đấu thầu không

đồng thời là người phê duyệt kết quả đấu thầu.

Khi lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, nội dung Báo cáo đánh giá cần được điền đầy đủ thông tin, trường hợp không có thông tin hoặc thông tin không đầy đủ cũng phải ghi rõ. Trường hợp sửa đổi, bổ sung vào phần in đúng của Mẫu Báo cáo thì tổ chức, cá nhân lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu phải bảo đảm không trái với các quy định của pháp luật về đấu thầu; chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung sửa đổi, bổ sung.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2010 và thay thế Quyết định số 1121/2008/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp.

(Xem toàn văn tại: [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn))

### **Thông tư liên tịch số 50/2010/TTLT-BTC-BXD của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở**

Ngày 14/4/2010, liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư liên tịch số 50/2010/TTLT-BTC-BXD hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Thông tư này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ

tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở (lĩnh vực xây dựng) và việc sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính cho công tác xử lý vi phạm trong lĩnh vực xây dựng theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với các vụ vi phạm có tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, việc hỗ trợ kinh phí cho cơ quan xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo các quy định hiện hành về xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

Theo Thông tư này, việc thu, nộp tiền phạt; quản lý, sử dụng biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng thực hiện

theo quy định tại Nghị định số 124/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt, quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính và quy định tại Thông tư số 47/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 124/2005/NĐ-CP.

Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan tài chính cấp huyện có trách nhiệm theo dõi số tiền phạt do các lực lượng có thẩm quyền của cấp xã tiến hành xử phạt để thanh toán chi phí và hỗ trợ kinh phí hoạt động của thanh tra xây dựng quận, huyện, xã, phường, thị trấn theo quy định tại Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Thí điểm thành lập Thanh tra xây dựng quận, huyện, xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng sau khi nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước được sử dụng để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ và hỗ trợ kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính, số còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước các cấp theo quy định,

Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, toàn bộ số tiền xử phạt vi phạm hành chính thu được của lực lượng thanh tra xây dựng quận, huyện, xã, phường, thị trấn được sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Chi phí hợp lý, hợp lệ trong công tác xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Thông tư này bao gồm chi phí xác minh, bắt giữ; chi thông tin liên lạc cho cán bộ tham gia xử lý; chi giám định, kiểm định vật tư, vật liệu xây dựng, chất lượng công trình, tang vật, phương tiện vi phạm; chi lưu kho, lưu bãi; chi bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ; chi thiết bị, máy móc, công nghệ, xăng, dầu cho phương tiện kiểm tra, bắt giữ, dẫn giải, bảo vệ đối tượng; chi sửa chữa phương tiện kiểm tra bị hư hỏng khi tiến hành kiểm tra, truy đuổi, bắt giữ; chi phí mua tin: mức chi mua tin mỗi vụ việc không quá 10% số tiền

phạt và tối đa không quá 5 triệu đồng; các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc xử phạt vi phạm hành chính.

Việc thanh toán chi phí mua tin phải có đầy đủ chứng từ theo quy định. Trường hợp phải giữ bí mật tên người cung cấp tin, việc thanh toán khoản chi mua tin căn cứ vào phiếu chi có đầy đủ chữ ký người trực tiếp chi tiền cho người cấp tin, thủ quỹ, kế toán và thủ trưởng đơn vị trực tiếp thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Nội dung chi hỗ trợ cho công tác xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật trong lĩnh vực xây dựng; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức và người trực tiếp làm công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng; tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; sơ kết, tổng kết, khen thưởng cho công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; hỗ trợ cho các cá nhân bị thương, chết, tai nạn khi tham gia xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng; chi bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính (mức chi không quá 01 triệu đồng/người/tháng); chi tiền làm ngoài giờ; chi bồi dưỡng thanh tra viên xây dựng và người được cấp có thẩm quyền điều động trực tiếp tham gia cưỡng chế; chi phí mua sắm, sửa chữa công cụ, phương tiện phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; chi hỗ trợ các đơn vị liên quan phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính; các khoản chi khác.

Mức chi cho các nội dung quy định được thực hiện theo tiêu chuẩn, chế độ, định mức do Nhà nước quy định. Đối với những nội dung Nhà nước chưa quy định mức chi thì Thủ trưởng đơn vị quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh**

Ngày 10/4/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

Bản Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế. Nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo yêu cầu của nhà tài trợ khác với quy định của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ nhưng được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chấp thuận hoặc trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Điều ước đó.

Đối tượng áp dụng Quy định này bao gồm: Cơ quan, cán bộ công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị thu hồi đất, bị thiệt hại tài sản gắn liền với đất bị thu hồi (người bị thu hồi đất);

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất).

Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai nếu thực hiện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được xét duyệt (có đủ chứng từ hợp lệ và theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) thì được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước; mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp cho cả thời gian thuê đất ghi trong quyết định cho thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất (không tính cho thời hạn được gia hạn thuê đất tiếp theo).

Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã phê duyệt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Người đang sử dụng đất có đủ điều kiện quy định khi Nhà nước thu hồi thì được bồi thường; trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường

thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ được UBND tỉnh xem xét để hỗ trợ. Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; trường hợp bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc giao đất ở tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền.

Trường hợp người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với nhà nước theo quy định của pháp luật thì phải trừ đi khoản tiền phải thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường, hỗ trợ để hoàn trả ngân sách nhà nước. Nghĩa vụ tài chính bao gồm: tiền sử dụng đất phải nộp, tiền thuê đất đối với đất do Nhà nước cho thuê, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, tiền thu từ xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai, tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai, phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai.

Trường hợp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai phải nộp lớn hơn hoặc bằng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất thì số tiền được trừ tối đa bằng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (không khấu trừ vào tiền bồi thường tài sản; tiền hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm).

Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng tại thời điểm có quyết định thu hồi đất do UBND tỉnh công bố thi hành vào ngày 01/01/ hàng năm; không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất ở là đất mua đấu giá, khi Nhà nước thu hồi được bồi thường theo giá đất ở đã được UBND tỉnh công bố tại thời điểm thu hồi đất. Nếu giá đất ở đã công bố tại thời điểm thu hồi đất mà thấp hơn

giá đất ở trúng đấu giá thì người sử dụng đất ở đó được bồi thường theo giá đất ở đã mua đấu giá tại quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất hợp pháp.

Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương đúng cấu trúc theo bảng đơn giá xây dựng nhà ở, vật kiến trúc thông dụng do UBND tỉnh ban hành. Giá trị xây dựng mới của nhà, công trình được tính theo diện tích xây dựng của nhà, công trình nhân (X) với đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình do UBND tỉnh ban hành.

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép; nhưng được bồi thường chi phí phần tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được coi là hợp pháp khi được cơ quan ra quyết định phân nhà hoặc cơ quan quản lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại địa phương cho phép; ngoài ra còn được hỗ trợ di chuyển quy định tại khoản 1 Điều 30 của Quy định này.

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bị phá dỡ được thuê nhà ở tái định cư; diện tích thuê nhà ở tái định cư tương đương với diện tích thuê cũ; giá thuê nhà ở là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của Chính phủ về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê.

Trường hợp không có nhà ở tái định cư để bố trí thì người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản bố trí trước thời điểm 17/5/1995) được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới với mức hỗ trợ bằng 60% trị giá đất (tính theo diện tích xây dựng nhà của nhà nước) và 60% trị giá nhà (của phần nhà thuộc sở hữu nhà nước) đang ở.

Người đang sử dụng nhà ở do tổ chức tự

quản bố trí sau thời điểm 17/5/1995 thì không được hỗ trợ; nếu có nhu cầu xin Nhà nước giao đất ở mới thì phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2010.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## **Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang**

Ngày 13/4/2010, UBND tỉnh An Giang đã có Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Quy định này áp dụng với tất cả các thành phần kinh tế thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, trừ các hoạt động bảo vệ môi trường là nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật và hoạt động bảo vệ môi trường được thực hiện bằng nguồn kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Các lĩnh vực được khuyến khích đầu tư tại Quy định này bao gồm: Thu gom, vận chuyển rác thải; Xử lý rác thải; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); Xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán; Xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh; Sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường; Cơ sở hoá táng, điện táng; Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường; Các hoạt động khác quy định tại Nghị định số 04/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với các dự án được khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo Quy định này được giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình bảo vệ tài

nguyên và môi trường theo các hình thức: Giao đất không thu tiền sử dụng đất; Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất; Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất.

Riêng đối với đất đô thị, đất ở: Nếu giao đất được giảm 30% tiền sử dụng đất; Nếu thuê đất được miễn tiền thuê đất bảy năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất.

Trường hợp nhà đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án bảo vệ tài nguyên và môi trường theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động dự án sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả.

Trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất nhưng nhà đầu tư có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất) thì được thực hiện theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

Nhà đầu tư sử dụng đất hợp pháp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất hợp pháp,

quyền sở hữu nhà và tài sản theo quy định của pháp luật. Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai;

Việc sử dụng đất của nhà đầu tư phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn giao đất, thuê đất nếu nhà đầu tư không có nhu cầu tiếp tục sử dụng, bị giải thể, chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được giao cho nhà nước; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không có hiệu quả thì nhà nước sẽ thu hồi lại đất đồng thời phải nộp ngân sách nhà nước toàn bộ tiền thuê đất được miễn theo giá đất tại thời điểm bị thu hồi đối với thời gian sử dụng đất không đúng mục đích, và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản mà nhà đầu tư đã được ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP;

Khi được nhà nước giao đất và miễn thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và miễn thu tiền thuê đất, nhà đầu tư không được tính giá trị đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng đất làm tài sản thế chấp để vay vốn;

Nhà đầu tư không được chuyển nhượng đất đã được Nhà nước giao để thực hiện dự án bảo vệ tài nguyên và môi trường. Trường hợp được chuyển nhượng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải bảo đảm việc sử dụng sau chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động bảo vệ

tài nguyên và môi trường. Trong trường hợp này ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai;

Đối với đất nhận chuyển nhượng hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào tài sản của dự án đầu tư và được khấu hao thu hồi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất và được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Nhà đầu tư thuộc phạm vi, đối tượng quy định được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của nhà nước (Nghị định số 151/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính).

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện đấu thầu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Ngày 16/4/2010, UBND tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện đấu thầu trên địa bàn tỉnh.

Quy định này quy định về chủ đầu tư; lập danh mục dự án chuẩn bị đầu tư và dự án đầu tư; thẩm định danh mục dự án chuẩn bị đầu tư và dự án đầu tư; thẩm quyền quyết định danh

mục dự án chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; giám sát, đánh giá kiểm tra dự án đầu tư; lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu; thẩm định và phê duyệt đấu thầu; bên mời thầu và tổ chuyên gia đấu thầu; quản lý nhà nước về đấu thầu; trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện đấu thầu; cung cấp thông tin về đấu thầu đối với các dự án, gói thầu sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Các dự án, gói thầu sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này.

Theo Quy định này, đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư là đơn vị quản lý, sử dụng công trình khi đơn vị có đủ điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư. Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Đối với trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng; Trường hợp không xác định được đơn vị để giao làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư làm chủ đầu tư.

Về việc lập danh mục dự án chuẩn bị đầu tư và dự án đầu tư, Chủ đầu tư hoặc cơ quan có nhu cầu đầu tư lập Tờ trình đề nghị người quyết định đầu tư phê duyệt danh mục dự án chuẩn bị đầu tư gửi cơ quan đầu mối trước ngày 31/7 hàng năm để tổ chức thẩm định và đề xuất kế hoạch năm sau. Nội dung Tờ trình phải nêu các cơ sở, căn cứ đề xuất danh mục dự án, sự cần thiết, mục tiêu, đề xuất quy mô, hình thức đầu

tư, sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và dự kiến thời gian thực hiện.

Khi lập dự án đầu tư, Báo cáo KTKT xây dựng công trình chủ đầu tư căn cứ vào danh mục dự án chuẩn bị đầu tư đã được phê duyệt hoặc được chấp thuận và tổ chức triển khai lập dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Điều 4, Điều 5 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP của Chính phủ; lập Báo cáo KTKT xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Điều 8, Điều 9 Nghị định 112/2009/NĐ-CP.

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình trước khi phê duyệt. Đầu mối thẩm định là đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư. Đơn vị đầu mối thẩm định danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm gửi hồ sơ để lấy ý kiến của cơ quan quản lý ngành; cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các cơ quan khác liên quan để thẩm định.

Đối với các dự án đã được uỷ quyền quyết định đầu tư thì người được uỷ quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định.

Cơ quan đầu mối thẩm định danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới và khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định; Đơn vị có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách trực thuộc UBND cấp xã đối với danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

Thời gian thẩm định danh mục dự án chuẩn bị đầu tư không quá 15 ngày làm việc (bao gồm cả thời gian lấy ý kiến các đơn vị có liên quan) kể từ ngày cơ quan đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ trình duyệt của chủ đầu tư; Thời gian thẩm định dự án được tính từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến ngày có kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt. Đối với dự án nhóm A: thời gian thẩm định dự án không quá 40 ngày làm việc; đối với dự án nhóm B: thời gian thẩm định dự án không quá 30 ngày làm việc; đối với dự án nhóm C: thời gian thẩm định dự án không quá 20 ngày làm việc;

Thời gian xem xét của các cơ quan liên quan, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án (kể cả tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở) là: Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C. Quá thời hạn nêu trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến thì được coi như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối với dự án do mình quyết định đầu tư; trường hợp đã ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư thì người được ủy quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; Trường hợp người quyết định đầu tư đồng thời làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

Đối với những gói thầu thuộc công trình do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch đấu thầu thì chủ đầu tư có trách nhiệm mời đại diện cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư đến giám sát việc tổ chức đấu thầu và gửi 01 bộ hồ sơ (hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu) để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đấu thầu. Sau khi có kết quả đấu thầu, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, chủ đầu tư phải gửi quyết định phê duyệt kết quả và báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Đối với những gói thầu thuộc công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch đấu thầu thì chủ đầu tư có trách nhiệm mời đại diện cơ quan Phòng Tài chính - Kế hoạch đến giám sát việc tổ chức đấu thầu và gửi 01 bộ hồ sơ (hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu) để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đấu thầu. Sau khi có kết quả đấu thầu, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, chủ đầu tư phải gửi quyết định phê duyệt kết quả và báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu về cơ quan đầu mối để theo dõi và tổng hợp báo cáo.

Hàng tháng (trước ngày 20), Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổng hợp công tác đấu thầu đối với các dự án, gói thầu trong phạm vi quản lý của mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))**



**Nghiệm thu đề tài:**

## **Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: Phương pháp thử các tính chất hoá học của cốt liệu**

Ngày 13/5/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam : “Phương pháp thử các tính chất hoá học của cốt liệu” do KS. Mai Bích Thủy - Viện KHCN Xây dựng làm Chủ nhiệm đề tài.

Theo quy định chung, để đảm bảo cho chất lượng bê tông và tuổi thọ công trình, các cốt liệu dùng cho bê tông thông thường phải được kiểm tra chất lượng trước khi sử dụng. Các số liệu phân tích chính xác sẽ xác định được hàm lượng các chỉ tiêu được quy định trong đối tượng mẫu là các cốt liệu dùng cho bê tông, việc làm này có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh sản xuất trước khi mở rộng, giúp các đơn vị sử dụng và nhà quản lý đánh giá chất lượng và phân loại nguyên liệu. Nên để có được các số liệu thí nghiệm có độ tin cậy, độ chụm, độ tái lập cao nhằm mô tả đúng chất lượng của nguyên liệu sử dụng, thì các phương pháp thử nghiệm cho từng chỉ tiêu thử của từng loại cốt liệu nhất thiết phải được tiêu chuẩn hoá, với tính khoa học và thống nhất trong phạm vi toàn quốc, đồng thời phương pháp tiến hành phải dễ thực hiện, áp dụng, ngay cả đối với điều kiện phòng thí nghiệm hiện trường.

Hiện trong hệ thống TCVN đã có tiêu chuẩn TCVN 7572:2006 - Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử, gồm 20 phần mục nhưng chỉ đề cập tới các phương pháp như: lấy mẫu, các phương pháp xác định tính chất cơ lý chung của cốt liệu và 4 phương pháp phân tích hoá học mẫu cốt là đá, cát dùng cho bê tông và vữa bê tông. Trên thế giới, tiêu chuẩn phương pháp thử kiểm tra các tính chất của cốt liệu được xây dựng khá đầy đủ, đặc biệt là các phương pháp

phân tích hoá học. Trong đó bộ tiêu chuẩn đầy đủ nhất là BS EN 1744: Phương pháp thử các tính chất hoá học của cốt liệu (Test for chemical properties of aggregates). Bộ tiêu chuẩn này đã được nhóm tác giả chuyển dịch toàn bộ sang tiếng Việt, nhưng vẫn đảm bảo giữ nguyên bản các nội dung kỹ thuật như trong bản gốc, với cách trình bày theo đúng quy định mới ban hành. Ngoài ra, để đảm bảo tính khoa học, nhóm tác giả còn thu thập nhiều tài liệu, thông tin khoa học, các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về các phương pháp thử nghiệm cốt liệu dùng cho bê tông, tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực chế tạo bê tông và phân tích hoá học.

Nội dung của tiêu chuẩn EN 1744 gồm có 6 phần (Riêng phần 2: Xác định độ bền đối với phản ứng kiềm, do chưa tìm được bản gốc nên tạm thời chưa chuyển dịch được), nên trong bộ tiêu chuẩn này chỉ có những phần kỹ thuật sau: Phần 1: Phân tích hoá học; Phần 3: Chuẩn bị dung dịch thử bằng cách ngâm chiết cốt liệu; Phần 4: Xác định độ phân tách của cốt liệu mịn trong hỗn hợp bitum; Phần 5: Xác định hàm lượng muối clorua hoà tan trong axit; Phần 6: Xác định ảnh hưởng của nước chiết cốt liệu tái sử dụng đến thời gian bắt đầu đông kết của xi măng. Trong mỗi phần, đều có đầy đủ các nội dung: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn – Thuật ngữ, định nghĩa – Quy định chung; Hoá chất - Thuốc thử; Thiết bị, dụng cụ; Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử; Tiến hành thử; Báo cáo kết quả thử nghiệm.

Phần 1 của tiêu chuẩn là phần quan trọng nhất, nội dung chủ yếu mô tả các phương pháp phân tích hoá học cơ bản. Trong số 13 phương

pháp thử, ngoài 2 phần: Xác định hàm lượng chất mùn hữu cơ tương ứng với phần 8 trong TCVN 7572 và Xác định hàm lượng sunfat hoà tan trong axit, ngoài cách chuẩn bị mẫu thử, các nội dung kỹ thuật khác là tương tự với phần 16 trong TCVN 7572, còn có một số phương pháp hoàn toàn mới chưa có trong tiêu chuẩn cũ.

Trong phương pháp thử số 14 của tiêu chuẩn mới, đây là chỉ tiêu chưa được đề cập trong bộ tiêu chuẩn cũ của Việt Nam. Phương pháp này có kết quả mang tính định tính và quy định cách kiểm tra, phát hiện sự có mặt của các hạt sắt sunfua có thể xuất hiện ở lớp gần sát hoặc thậm chí ngay trên bề mặt bê tông và tạo thành các vết màu sẫm trên bề mặt sản phẩm, các vết sẫm này rất khó khắc phục, ngoại trừ cắt bỏ hoàn toàn vùng bị biến màu. Để tiến hành kiểm tra sự có mặt của các hạt sắt sunfua hoạt tính, người ta thực hiện bằng cách lấy khoảng 50 mảnh cốt liệu đại diện được lấy từ kho hoặc bãi lưu trữ cốt liệu để kiểm tra khi lô nguyên liệu bị nghi vấn có hàm lượng sắt sunfua vượt quá yêu cầu kỹ thuật, tiếp đến là tiến hành thử. Xác định độ hoạt tính của các hạt nhỏ bằng cách ngâm chúng vào dung dịch nước vôi bão hoà, kết tủa màu xanh dạng keo của sắt sunfua sẽ hình thành sau 5 phút. Dưới tác động của ánh sáng và trong môi trường không khí, các hạt kết tủa này sẽ nhanh chóng chuyển sang màu nâu đỏ giống như màu của sắt hydroxit, phản ứng này sẽ kết thúc sau khoảng thời gian 30 phút và là cơ sở để nhận biết nhanh sự có mặt của sắt sunfua trong cốt liệu. Nếu sau khi ngâm hạt cốt liệu trong nước vôi bão hoà, kết tủa màu nâu dạng keo không xuất hiện, thì cũng có thể các hạt cốt liệu có hoạt tính không cao. Nếu nghi ngờ trong cốt liệu sử dụng có những hạt khả năng hoạt tính không cao, cần tiến hành theo cách kiểm tra bằng mắt thường để đánh giá và xem xét về khả năng để lại vết sẫm màu trên bề mặt vữa hoặc bê tông nếu sử dụng cốt liệu. Nếu vùng khai thác cốt liệu được xác định là có khả năng bị nhiễm ion

sunfua, cần kiểm tra sơ bộ nguyên liệu vùng đó bằng kính hiển vi và tham khảo ý kiến chuyên gia kỹ thuật để có quyết định về tác động có hại của nguyên liệu. Trong các trường hợp khác, cần trộn các hạt cốt liệu với hồ xi măng poóc-lăng, dưỡng hộ 28 ngày ở điều kiện ẩm và sau đó kiểm tra thanh xi măng để tìm vết sẫm màu.

Để xác định được tạp chất hữu cơ ảnh hưởng đến sự đông kết và đóng rắn của xi măng, người ta đã tiến hành theo 3 cách: xác định hàm lượng chất mùn hữu cơ, hàm lượng axit fulvo (axit màu) và hàm lượng tạp chất hữu cơ bằng phương pháp thanh vữa. Trong đó phương pháp xác định hàm lượng axit fulvo là phương pháp mới không có trong tiêu chuẩn cũ. Phương pháp này dùng để xác định hàm lượng axit màu, thường có trong cốt liệu nhỏ, đặc biệt là trong đất pha cát được ổn định bằng xi măng. Trước khi tiến hành thử, cần chuẩn bị mẫu, khi mang tới phòng thí nghiệm, phải đảm bảo cả về độ ẩm cũng như bản chất của vật liệu, độ ẩm của phần mẫu thử để tiến hành phân tích không vượt quá 10% về khối lượng, với mẫu có độ ẩm lớn hơn 10%, cần sấy mẫu ở nhiệt độ  $(40\pm 5)^{\circ}\text{C}$  cho đến khi độ ẩm của mẫu đạt yêu cầu quy định. Tiến hành thử tại nhiệt độ  $(20\pm 2)^{\circ}\text{C}$ , cân mẫu thử vào bình tam giác dung tích 25ml hoặc 300ml, thêm vào bình khoảng 100ml dung dịch axit clohydric, để hỗn hợp phản ứng sau khoảng 4giờ, định kỳ lắc đều hỗn hợp. Sau đó lọc tách phần dung dịch, lấy 75ml cho vào ống đong dung tích 250ml, dùng ống đong dung tích 10ml thêm tiếp 10ml dung dịch thiếc clorua, để yên ống đong dung tích 250ml có chứa phần hỗn hợp phân tích khoảng 1giờ, sau đó thêm axit clohydric đến vạch mức 100ml, dùng đũa thuỷ tinh để khuấy trộn đều hỗn hợp thu được. Nếu sau khi thêm thiếc clorua, dung dịch thu được bị đục, chứng tỏ trong cốt liệu có một lượng sunfua, cần tiến hành phân tích lại và chú ý đun sôi phần dung dịch (thu được sau khi lọc tách) khoảng 5 phút trong tủ hơi độc trước khi thêm thiếc clorua..

Trong các phần 3, 4, 5, 6, tiêu chuẩn đã hướng dẫn các bước tiến hành xác định rất rõ ràng, người thực hiện chỉ cần làm theo đúng trình tự các bước là có thể thực hiện được. Nhìn chung các thiết bị, hoá chất sử dụng trong các phương pháp thử nghiệm được đề cập trong tiêu chuẩn cũng dễ tìm kiếm, giá thành phù hợp với điều kiện thử nghiệm chung của các phòng thí nghiệm trong nước...

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hoà - đây là bộ tiêu chuẩn khá quan trọng, sẽ thay thế cho bộ tiêu chuẩn TCVN7572: 2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử. Do toàn bộ tiêu chuẩn được chuyển dịch hoàn toàn sang tiếng Việt, nên trong quá trình dịch thuật khó tránh khỏi những sai sót, nhóm biên soạn cần nhanh chóng chỉnh sửa và bổ sung. Hơn nữa, do hiện nay phần 1 – Phân tích hoá học đã có phiên bản

mới 2009, nhóm biên soạn cần tiến hành đối chiếu nội dung với phần 1 của phiên bản cũ, đồng thời cũng phải tìm kiếm phần 2 còn thiếu, nhóm chúng chuyển dịch trong thời gian sớm nhất để bộ tiêu chuẩn mới sớm được ban hành.

Khi được ban hành, đây sẽ là bộ tiêu chuẩn cấp Nhà nước đầu tiên quy định thống nhất và đầy đủ các phương pháp phân tích, kiểm tra tính chất hoá học của cốt liệu dùng cho bê tông, đáp ứng nhu cầu kiểm định chất lượng nguyên liệu đầu vào trong chế tạo bê tông tại các đơn vị sản xuất, đảm bảo quyền lợi của đơn vị sử dụng, góp phần hoàn thiện bộ tiêu chuẩn Việt Nam về phương pháp thử dành cho bê tông và cốt liệu dùng cho bê tông.

Với kết quả thu được, đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

## Hội thảo chuyên đề: Các giải pháp thiết kế, thi công, tiết kiệm chi phí và vai trò kiểm tra an toàn mặt dựng kính cho nhà cao tầng

Ngày 5/5/2010 tại Hà Nội, Cty Cổ phần Kính Thuận Thành đã phối hợp với Cty Dow Corning Việt Nam và TUV SUB PSB Việt Nam tổ chức Hội thảo “Các giải pháp thiết kế, thi công, tiết kiệm chi phí và vai trò kiểm tra an toàn mặt dựng kính cho nhà cao tầng” nhằm mục đích nâng cao hiểu biết và giúp các nhà thiết kế, chủ đầu tư, nhà xây dựng trong lĩnh vực mặt dựng kính (MDK) nhà cao tầng có thể cập nhật và nắm vững hơn các biện pháp tiết kiệm năng lượng, đi sâu phân tích sự cần thiết phải có hệ thống tiêu chuẩn hệ MDK cho các công trình xây dựng tại Việt Nam,

Tham dự Hội thảo có ông Trần Quốc Thái - Chủ tịch Hiệp hội Kính XDVN, TS. Võ Quang Diệm - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng, GS.TS.Trần Chung - Trưởng ban chất lượng Tổng Hội XDVN, các nhà quản lý, nghiên cứu, tư vấn thiết kế và các doanh nghiệp xây dựng.



Chủ tịch Hiệp hội Kính XDVN Trần Quốc Thái phát biểu tại Hội thảo

Những năm gần đây, tốc độ xây dựng phát triển mạnh và kính xây dựng cũng được sử dụng ngày càng phổ biến, có những công trình kính chiếm tới 100% cho phần bao quanh, đặc biệt là các công trình cao tầng.

Kính xây dựng ngày càng phổ biến thì vấn đề lựa chọn sử dụng kính xây dựng và các vật

liệu khác đúng cách và đạt hiệu quả cao từ khâu thiết kế, gia công, kiểm tra cho đến đưa công trình vào sử dụng trở thành vấn đề lớn đối với không chỉ cơ quan quản lý nhà nước, các nhà thiết kế, thi công mà với cả chủ đầu tư, người sử dụng.

Trong khi các nước trên thế giới đã có đầy đủ hệ thống tiêu chuẩn liên quan đến thiết kế, thi công, kiểm tra hệ kính mặt dựng thì hiện nay hệ thống Tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến hệ kính và các vật liệu kết cấu khác cho mặt dựng của toà nhà còn rất thiếu vì vậy tại Việt Nam hiện nay ngay từ khâu thiết kế hệ kính bao quanh hầu hết các công trình cao tầng đều phải viện dẫn sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài.

Việc thiếu hệ thống các tiêu chuẩn này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc thiết kế, gia công và kiểm soát chất lượng hệ kính bao quanh công trình phù hợp với địa hình, khí hậu tại Việt Nam. Đồng thời, việc thiếu hệ thống tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, phương pháp phân loại, phương pháp thử và phòng thí nghiệm cho sản phẩm MDK nhà cao tầng tại Việt Nam làm tăng thêm các khoản chi phí không nhỏ của chủ đầu tư cho việc thực hiện kiểm tra sản phẩm tại các phòng thí nghiệm ở nước ngoài.

Nhu cầu xây dựng các chung cư cao tầng, các toà nhà cao tầng hiện đại đang tăng nhanh ở Việt Nam, đặc biệt là các thành phố lớn, đòi hỏi áp dụng các công nghệ mới, vật liệu mới. Các sản phẩm kính xây dựng là vật liệu không thể thiếu trong kiến trúc xây dựng hiện đại đã và đang được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi để các kiến trúc sư sáng tạo kiến trúc nội, ngoại thất, góp phần tạo nên một nền kiến trúc hiện đại với những toà nhà siêu cao tầng bền đẹp, hiện đại như ở Mỹ, Đông Á, châu Âu, Trung Đông, Trung Quốc, Nga... Ở Việt Nam cũng có một số công trình cao tầng sử dụng kính có kiến trúc đẹp và hiệu quả.

Phát huy những lợi thế về trữ lượng, chất lượng nguồn cát trắng - nguyên liệu chính để sản xuất kính, thủy tinh, ngành kính xây dựng

Việt Nam đã phát triển nhanh và đúng hướng. Các công nghệ sản xuất kính lác hậu, tiêu tốn nhiều nhiên liệu, sản phẩm chất lượng không cao, khả năng cạnh tranh thấp (công nghệ kính kéo đứng, kéo ngang) đang dần được thay thế bởi công nghệ kính nổi Float. Đây là công nghệ sản xuất kính tiên tiến hiện nay của thế giới tạo ra tấm kính có độ phẳng cao, kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều dày lớn, có thể sản xuất được cả kính màu, cùng với nhiều ưu việt khác.

Kính được đưa vào các công trình kiến trúc, xây dựng dưới dạng hệ tường vách kính với thanh định hình. Hệ tường vách kính bao gồm kính được gắn trên các thanh định hình bằng hợp kim nhôm, thép, hoặc nhựa lõi thép với nhiều phương pháp liên kết giữa kính với thanh định hình.

Kính sử dụng trong hệ vách kính đối với các công trình cao tầng trước hết phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn sinh mạng. Trước khi nói đến các công năng khi sử dụng kính, việc đầu tiên mà mỗi người chúng ta đều quan tâm là sự an toàn của kính trước tác động của tải trọng gió, của những dao động và các rung chuyển trong đó có cả rung chuyển do động đất v.v... Công nghệ gắn kết giữa kính và khung thép, khung nhôm như thế nào để bền vững với thời gian là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu, thiết kế, thi công quan tâm và đã đưa ra nhiều giải pháp hữu hiệu. Bên cạnh tính hiện đại của nhà cao tầng với những khung kính lớn thì việc sử dụng kính hiện nay còn mang nhiều ý nghĩa và tiện ích, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, chống các tia cực tím ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, mở rộng tầm nhìn và khả năng sử dụng ánh sáng, khí, gió tự nhiên của con người sống, làm việc trong những cao ốc sang trọng, đòi hỏi lựa chọn hợp lý vật liệu kính, có giải pháp thiết kế phù hợp tiết kiệm, chi phí xây dựng, giảm thiểu tác động bất lợi của hiện tượng hiệu ứng nhà kính, tăng hiệu quả tiết kiệm năng lượng cho nhà và công trình.

MDK là thuật ngữ để chỉ cấu trúc mặt trước của công trình không chịu bất cứ lực cố định nào từ công trình ngoài tải trọng động của chính cấu trúc đó. Những lực này được truyền tới kết cấu chính của công trình qua các kết nối ở sàn hoặc cột.

MDK được thiết kế để chống lọt nước và khí, tác động của áp lực gió tới công trình, các tác động địa chấn và các trọng lực cố định của chính mặt đứng.

Một trong những yếu tố cần quan tâm nhằm bảo đảm đặc tính chống lọt khí, nước và chịu được các tải trọng khác nhau, bảo đảm sự bền vững lâu dài cho MDK là các mối nối kính giúp ghép nối các đơn vị kính tạo nên MDK cho cả toà nhà.

Cty Dow Corning Việt Nam đã chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về thiết kế, thi công các mối nối cho MDK nhà cao tầng trên cơ sở sử dụng chất trám sản xuất từ vật liệu silicone. Silicone là loại vật liệu có khả năng bền vững lâu dài trước tác động của tia tử ngoại, đem lại cho chất trám silicone những đặc tính vượt trội so với chất trám nguồn gốc hữu cơ.

Nhiều ví dụ về sự ứng dụng thành công của phương pháp thiết kế, thi công mối nối MDK nhà cao tầng sử dụng chất trám silicone của Cty Dow Corning Việt Nam sản xuất đã được giới thiệu tại Hội thảo. Chất trám silicone được sử dụng cho việc lắp kính tại nhà máy, tại công trường, hệ thống kính kết cấu (trước đây phải sử dụng chốt kim loại nay với chất trám silicone sẽ không phải dùng đến chốt kim loại tốn kém và đắt), hệ thống kính hoàn toàn trong suốt, gắn kết kết cấu của các vật liệu ngoài kính, lắp kính theo hướng nghiêng, các hệ thống kính an toàn, kính hộp cách nhiệt,...

Dow Corning Việt Nam cung cấp đầy đủ các loại chất trám kết cấu silicone có tính năng cao và tư vấn thiết kế, thi công các mối nối MDK trong đó có việc lựa chọn loại chất trám silicone thích hợp cho từng ứng dụng cụ thể, kể cả các dịch vụ thử nghiệm, kiểm tra sự tương thích của



Toàn cảnh Hội thảo

kính và chất trám silicone trước khi thi công tại hiện trường.

Có thể nêu ra một số loại chất trám silicone do Cty Dow Corning sản xuất: Dow Corning 983 được dùng cho liên kết kết cấu giữa kính, kim loại và các thành phần khác (chất trám lưu hoá có khả năng chịu lực cao, bám dính tốt trên nhiều loại chất nền khác nhau); Dow Corning 993 được dùng cho liên kết kết cấu giữa kính, kim loại và các thành phần xây dựng khác, đạt các tiêu chuẩn châu Âu như ASTM, ISO, GB cho các ứng dụng lắp kính kết cấu; Dow Corning 795 là chất trám silicone một thành phần, khả năng chịu lực trung bình, lưu hoá trung tính được dùng cho lắp kính kết cấu và chịu thời tiết (có nhiều màu khác nhau); Dow Corning 982 là chất trám silicone hai thành phần có suất đàn hồi cao, đặc biệt thích hợp cho việc sản xuất kính hộp. Ngoài ra còn các loại chất trám silicone chịu thời tiết tính năng cao mà việc lựa chọn phụ thuộc vào các đặc tính riêng biệt của từng ứng dụng cụ thể, như: Dow Corning 791 là chất trám silicone một thành phần, khả năng chịu lực trung bình, lưu hoá trung tính, được dùng cho các ứng dụng liên kết kính phổ thông và chống thấm cho các mặt dựng; Dow Corning 991 là chất trám silicone cao cấp, một thành phần chịu thời tiết tính năng cao, sức co dãn trung bình, lưu hoá trung tính được thiết kế đặc biệt cho vật liệu nhạy cảm tại các vị trí yêu cầu tính thẩm mỹ cao.

Cty Dow Corning còn sản xuất các loại chất lót tính năng cao nhằm tăng cường sự bám dính của chất trám với chất nền, như Dow Corning 1200 Prime Cost (chất lót một thành phần dựa trên dung môi, được sử dụng với các loại chất trám Dow Corning trong nhiều ứng dụng), Dow Corning 1205 Prime Cost (chất lót một thành phần, dùng dung môi, tạo lớp màng mỏng được dùng với chất trám của Dow Corning trên nhựa và các chất liệu khác); Dow Corning Prime C (chất lót một thành phần, tạo lớp màng mỏng để sử dụng với các chất trám của Dow Corning trên các bề mặt được sơn và bề mặt nhựa để xúc tiến sự bám dính nhanh hơn),...

Các tính năng của MDK cần phải được kiểm tra trong phòng thí nghiệm nhằm đánh giá sự phù hợp về kết cấu của MDK và khả năng chống lọt nước và khí trước khi lắp đặt tại công trường và thẩm tra tính phù hợp của kết cấu so với thiết kế, phát hiện các lỗi nảy sinh. Với mục tiêu đó, Cty TUV SUD PSB Việt Nam giới thiệu các phương pháp thử nghiệm được sử dụng trong kiểm nghiệm chất lượng của MDK nhà cao tầng. Các phương pháp thử nghiệm đều đáp ứng các yêu cầu nêu trong các tiêu chuẩn ASTM, AS/NZS, AAMA, Singapore Standards và Field Test (thử nghiệm tại hiện trường). Các phương pháp thử nghiệm bao gồm thử nghiệm lọt khí, lọt nước tĩnh, lọt nước động hoặc tuần

hoàn, tính năng kết cấu, tải trọng thử và các chỉ tiêu khác như thử nghiệm chấn động ngang, chấn động dọc, kiểm tra các kết cấu bảo dưỡng, sự lão hoá của chất trám.

Các thử nghiệm được thực hiện tại công trường bao gồm thử nghiệm lọt khí và lọt nước.

Ngoài ra còn các thử nghiệm đối với kính an toàn, như thử nghiệm cơ học, kiểm tra độ vỡ, thử nghiệm quang học (đối với công trình xanh) và thử nghiệm khả năng cách âm trong phòng thí nghiệm và ngoài công trường cùng với một số thử nghiệm khác như thử nghiệm cháy, hoá học,...

Hiện nay, phòng thử nghiệm MDK của Cty TUV SUD PSB được đánh giá là lớn nhất Đông Nam Á với kích thước dài 16m x rộng 14 m x cao 16 m, được trang bị đầy đủ máy vi tính thu thập dữ liệu và tự động hoá hoàn toàn nhiều công đoạn thử nghiệm.

Hội thảo đã đi sâu phân tích và góp phần làm rõ sự cần thiết phải xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cho hệ MDK của các công trình xây dựng ở Việt Nam. Các tiêu chuẩn đó không những đáp ứng được yêu cầu nêu trong các tiêu chuẩn mà các cty nước ngoài cung cấp vật liệu và dịch vụ đang sử dụng mà còn phải phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

Huỳnh Phước

### **Hội thảo Kinh nghiệm triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng và hiệu quả của Liên minh Châu Âu và Bungari - ứng dụng phần mềm tính toán hiệu quả năng lượng trong điều kiện Việt Nam**

Sáng 12/5/2010, tại Hà Nội, Viện KHCN Xây dựng (IBST) và Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Sophia, Bungari (TU) đã phối hợp tổ chức hội thảo khoa học “Kinh nghiệm triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng và hiệu quả của EU và Bungari - ứng dụng phần mềm kiểm toán hiệu quả năng lượng trong điều kiện Việt

Nam” thuộc nhiệm vụ Hợp tác quốc tế theo Nghị định thư “Nghiên cứu xây dựng giải pháp tiết kiệm và hiệu quả năng lượng cho các tòa nhà trong điều kiện khí hậu tại Việt Nam”.

Tham dự hội thảo, về phía Bungari có ông Vladimir Moskov - Tham tán Đại sứ quán Bungari tại Việt Nam, GS .TS. Nikola Georgiev

Kaloyanov - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học kỹ thuật Sofia, giám đốc dự án và một số chuyên gia khác. Về phía Việt Nam, có PGS. TS. Cao Duy Tiến - Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng, PGS. TS. Nguyễn Xuân Chính - Phó Viện trưởng, đồng thời là Chủ nhiệm dự án, lãnh đạo Vụ KHCN & MT, chuyên viên Vụ hợp tác quốc tế, Trung tâm Thông tin của Bộ Xây dựng; các chuyên gia đến từ các Viện nghiên cứu, các trường Đại học...; và một số cán bộ nghiên cứu của Viện KHCN Xây dựng.

Tại hội thảo, sau lời phát biểu của ngài Tham tán Đại sứ quán Bungari tại Việt Nam và PGS. TS. Cao Duy Tiến, Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng, các đại biểu tham dự đã được nghe báo cáo về “Kinh nghiệm triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng và hiệu quả của EU và Bungari - ứng dụng phần mềm kiểm toán hiệu quả năng lượng trong điều kiện Việt Nam” do GS. TS. Nikola Gearegiev Kaloyanov trình bày.

Đi đôi với sự tăng trưởng của sản xuất, mức tiêu thụ năng lượng và tài nguyên thiên nhiên trong các khu vực xây dựng ngày càng gia tăng và khó kiểm soát. Do đó, hơn lúc nào hết yêu cầu sử dụng năng lượng với phương châm tiết kiệm, hiệu quả là điều càng phải tính sớm càng tốt cho sự phát triển lâu dài.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, khi tỷ lệ cơ cấu kinh tế thay đổi, tỷ lệ dịch vụ tăng lên trên 40 - 50% thì tỷ lệ năng lượng sử dụng trong các tòa nhà sẽ chiếm từ 35 - 40% tổng năng lượng tiêu dùng. Như vậy, đây quả là một thách thức cho tiến trình đô thị hóa ở nước ta bởi chỉ tính riêng Hà Nội và TP.HCM đã có hàng trăm dự án khu đô thị mới với các công trình căn hộ cao tầng. Không những thế, ngày càng xuất hiện không ít công trình cao ốc, văn phòng mà diện tích sử dụng trên 10.000m<sup>2</sup> và tiêu thụ điện năng lớn hơn 1 - 2 triệu KWh/năm. Dự báo trong 10 năm tới, nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong các tòa nhà thương mại và công trình công cộng sẽ tăng khoảng gần 4 lần khiến áp lực lên nguồn

năng lượng quốc gia ngày một tăng.

Mới chỉ trong phạm vi các công trình cao tầng, các tòa nhà thương mại nhưng đã cho thấy để tiết kiệm năng lượng (TKNL) và tài nguyên trong các công trình xây dựng, không chỉ cần những biện pháp “tấn công” quyết liệt, mà trên tất cả cần thiết lập một kế hoạch mang tầm chiến lược, trong đó có các mục tiêu cụ thể để từng bước giảm tỷ lệ thất thoát lãng phí năng lượng và tài nguyên.

Tháng 12/2002 Liên minh Châu Âu đã có Công ước yêu cầu mọi quốc gia phải có tiêu chuẩn đề ra các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ để sử dụng năng lượng có hiệu quả khi thiết kế, xây dựng và cải tạo các công trình xây dựng.

Trường Đại học TU Sôphiã đã nghiên cứu:

- Mô hình hoá tính toán TKNL
- Xây dựng chương trình quốc gia đào tạo kỹ sư về tính toán TKNL
- Xây dựng nền tảng chứng chỉ hộ chiếu về năng lượng quốc gia

Đối với Liên minh Châu Âu, chứng chỉ tiêu hao năng lượng là rất quan trọng cho mỗi công trình xây dựng. Để tiết kiệm năng lượng phải xây dựng qui trình kiểm soát vi khí hậu của công trình. Đánh giá mức tiêu hao năng lượng của công trình.

Dự án hợp tác giữa TU Sôphiã và IBST từ 2007 – 2010 đã xây dựng tập hợp các số liệu khí hậu đặc thù của Việt Nam, sử dụng phần mềm của Bungari để tính toán tiêu hao năng lượng cho công trình ở Việt Nam, đã khảo sát 3 công trình đặc thù tại Việt Nam, chuẩn bị tài liệu giúp đỡ Việt Nam đào tạo chuyên gia về TKNL và giúp đỡ 01 NCS Việt Nam bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ tại Bungari.

Cũng tại Hội thảo, các đại biểu đã được dành thời gian trao đổi về những vấn đề như: việc sử dụng hay không sử dụng các số liệu mà Việt Nam đã ban hành khi thực hiện dự án trên; các biện pháp, chính sách để vận hành, ứng dụng tài liệu tiết kiệm năng lượng vào thực tế;

các thiết bị dùng để đo đạc, khảo sát công trình... Những vấn đề này đã được các chuyên gia Bungari giải đáp rất cặn kẽ.

Hội thảo đã thành công tốt đẹp, góp phần tăng thêm sự hiểu biết, nhận thức và kinh nghiệm cho các chuyên gia trong việc ban hành,

áp dụng các giải pháp tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong điều kiện khí hậu tại Việt Nam.

Minh Tâm

## Soát xét, xây dựng môi tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật phục vụ chương trình phát triển vật liệu xây không nung

Sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN) thay thế gạch đất sét nung là một chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Để phục vụ cho chủ trương này, Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020, trong đó có hàng loạt cơ chế giải pháp được đề xuất và triển khai. Nội dung của bài viết này chủ yếu là đi sâu vào đánh giá hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn vật liệu xây dựng (VLXD) phục vụ cho chương trình này và các đề xuất về soát xét biên soạn mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn đồng

bộ nhằm tạo dựng công cụ pháp quy kỹ thuật hỗ trợ cho sản xuất và sử dụng VLXKN.

Theo thống kê, thực trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng đối với VLXKN cho đến nay, đã có một số tiêu chuẩn về VLXKN và các tiêu chuẩn cho các loại vật liệu khác có thể sử dụng chung cho VLXKN được ban hành (Xem bảng liệt kê bên dưới). Bên cạnh đó còn có các tiêu chuẩn liên quan không chỉ dành riêng cho VLXKN như yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử cho cốt liệu, phụ gia, nước trộn, vữa xây...

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
1	TCXD 123: 1984	Gạch không nung – Yêu cầu kỹ thuật
2	TCXD 191: 1996	Bê tông và vật liệu làm bê tông – Yêu cầu kỹ thuật
3	TCXDVN 316: 2004	Block Bê tông nhẹ – Yêu cầu kỹ thuật
4	TCXDVN 317: 2004	Block Bê tông nhẹ – Phương pháp thử
5	TCVN 4459 – 87	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng
6	TCVN 4085 – 85	Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu
7	TCVN 5573 – 1991	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế
8	TCVN 5674 - 92	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và NT

Trong quá trình theo dõi quản lý công tác tiêu chuẩn, các chuyên gia đã có những đánh giá tổng quát về nhóm tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật cho VLXKN như sau:

Ngoại trừ hai tiêu chuẩn TCXDVN 316: 2004 và TCXDVN 317: 2004 là 2 quy định riêng và chi tiết cho bê tông nhẹ dạng block, các tiêu

chuẩn còn lại đều quy định chung cho nhiều loại sản phẩm vật liệu khác nhau; các tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu dùng riêng cho gạch xây không nung còn thiếu, sử dụng các tiêu chuẩn của gạch, đá dùng chung không đáp ứng yêu cầu đối với bê tông nhẹ và bê tông khí chưng áp; vữa xây trát dùng cho bê tông khí



chung áp và bê tông bọt có yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử khác hẳn so với gạch đất sét nung. Ngay cả gạch xi măng cốt liệu cũng cần chế độ vữa xây trát khác với gạch đất sét nung vì gạch đất sét nung hút nước rất mạnh và còn phải thường xuyên giữ ẩm trong thời gian đầu mới hoàn thành khối xây khi gặp điều kiện nắng nóng gay gắt; Tiêu chuẩn thiết kế công trình sử dụng VLXKN chưa có chuyên biệt riêng, nhất là đối với bê tông nhẹ và bê tông khí chung áp. Đối với gạch xi măng cốt liệu có thể không cần có quy định riêng và vẫn có thể sử dụng chung với tiêu chuẩn thiết kế kết cấu gạch đá bình thường; các tiêu chuẩn trên còn chưa đồng bộ về nhiều mặt dẫn đến nhiều khó khăn cho các nhà đầu tư cũng như người sản xuất, tiêu dùng, do vậy cũng là một nguyên nhân gián tiếp dẫn tới chậm đưa sản phẩm vào công trình.

Nhìn chung, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sử dụng VLXKN tuy đã được BXD quan tâm, nghiên cứu soạn thảo và ban hành, song để phục vụ cho việc thúc đẩy chương trình phát triển gạch xây không nung thì còn thiếu nhiều và chưa đồng bộ, khó đáp ứng cho kế hoạch thúc đẩy phát triển nhanh chóng VLXKN thay thế gạch xây đất sét nung hiện nay, nhằm mục tiêu lớn là bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, gây hiệu ứng nhà kính do các lò gạch thủ công phát triển tràn lan gây ra.

Nên việc các chuyên gia đưa ra những đề xuất nhằm kiện toàn lại hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển chương trình VLXKN là một việc làm rất cần thiết. Do chương trình phát triển VLXKN tập trung vào một số nhóm sản phẩm như: gạch xi măng – cốt liệu, block bê tông nhẹ bọt, block bê tông nhẹ khí chung áp là chủ yếu. Một số vật liệu truyền thống khác như gạch đá ong, đá chẻ, pa panh,... được khuyến khích phát triển tùy theo đặc điểm địa phương có sẵn nguồn nguyên liệu và nhân công lao động. Vì vậy trong thời gian trước mắt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn cũng sẽ

tập trung chính cho nhóm gạch xi măng cốt liệu và bê tông nhẹ. Mặt khác, Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Quốc hội ban hành năm 2006 đã quy định rõ: quy chuẩn là bắt buộc thực hiện, tiêu chuẩn là tự nguyện áp dụng. Vì vậy việc xây dựng mới, soát xét tiêu chuẩn cũ cũng được triển khai theo quy định này. Dự kiến kế hoạch soát xét, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn được thực hiện như sau:

Đối với công tác thiết kế, thi công và nghiệm thu khối xây sử dụng VLXKN, để đảm bảo chất lượng công trình, sẽ biên soạn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho hoạt động này. Đây cũng là hoàn toàn cần thiết để có cơ sở pháp quy kỹ thuật buộc các chủ đầu tư phải sử dụng loại vật liệu này vào công trình; đối với yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm, sẽ phải biên soạn các tiêu chuẩn riêng cho từng loại sản phẩm trên cơ sở tính năng kỹ thuật do các nhà sản xuất cung cấp, cụ thể như:

Đối với gạch đất xi măng – cốt liệu loại sử dụng phế thải công nghiệp, sẽ được ưu tiên triển khai trước, vì đây loại gạch được chú trọng phát triển trong chương trình do mang lại lợi ích nhiều mặt cả về kích cầu tiêu dùng xi măng lẫn bảo vệ môi trường.

Đối với gạch block bê tông nhẹ và bê tông khí chung áp, do đặc thù công nghệ của hai loại sản phẩm này có khác nhau nên sẽ biên soạn hai tiêu chuẩn riêng biệt.

Đối với nhóm các tiêu chuẩn về phương pháp thử: trước mắt, sẽ xây dựng hai nhóm tiêu chuẩn cho hai chủng loại khác nhau là loại xi măng – cốt liệu và loại bê tông nhẹ (bao gồm cả bê tông bọt và bê tông khí). Trong quá trình thực hiện, nếu thấy có nhu cầu sẽ tách thành các tiêu chuẩn riêng biệt cho từng loại sản phẩm. Tiếp theo là biên soạn tiêu chuẩn mới về vữa xây và trát riêng cho block bê tông nhẹ. Đối với các loại xi măng cốt liệu, vẫn sử dụng tiêu chuẩn vữa xây trát cho loại gạch thông thường trên cơ sở soát xét bổ sung các yêu cầu đặc thù riêng cho loại gạch này.

Để thúc đẩy chương trình VLXKN nhanh chóng triển khai, bên cạnh các giải pháp về cơ chế tài chính, giải pháp công nghệ, cần phải có hệ thống quy phạm kỹ thuật đồng bộ để các doanh nghiệp, các nhà sản xuất làm cơ sở triển khai các dự án của mình. Hy vọng với những công cụ tích cực và hữu hiệu trên, cùng với sự đồng thuận của toàn xã hội trước trách nhiệm

bảo vệ môi trường và tài nguyên của đất nước, chương trình phát triển VLXKN thay thế gạch đất sét nung sẽ được triển khai mạnh mẽ, mang lại hiệu quả thiết thực cho toàn xã hội./.

**Ths. Trần Đình Thái**  
*Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng*

## **Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 4/2010**

*Trong tháng 4/2010 đã có 28 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận, bổ sung các phép thử và cho phép đi vào hoạt động.*

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN công trình thuộc Cty CP XD tư vấn và kiểm định Thăng Long Số 7E2- Tập thể UBND huyện Từ Liêm, Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	LAS- XD 902	QĐ số 130/QĐ-BXD ngày 02/4/2010 có hiệu lực đến: 02/4/2013
2	Phòng TN vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình thuộc Cty CP Sơn Hải Tổ 7 Cụm Tư Đình, Phường Long Biên, Hà Nội	LAS- XD 275	QĐ số 131/QĐ-BXD ngày 02/4/2010 có hiệu lực đến: 02/4/2013
3	Phòng TN giao thông XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và thí nghiệm VLXD số 9 Nhà C3 Ngõ 109 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội	LAS- XD 899	QĐ số 132/QĐ-BXD ngày 02/4/2010 có hiệu lực đến: 02/4/2013
4	Phòng TN Hoá-Lý thuộc Xí nghiệp thăm dò khả o sát thiết kế - Cty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam Số 30B Đoàn Thị Điểm, Đống Đa, Hà Nội	LAS- XD 526	QĐ số 133/QĐ-BXD ngày 02/4/2010 có hiệu lực đến: 02/4/2013
5	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm VLXD thuộc TCty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị ( UDIC) - Cơ sở II Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	LAS- XD 230	QĐ số 136/QĐ-BXD ngày 05/4/2010 có hiệu lực đến: 10/11/2012
6	Trung tâm kiểm định chất lượng thuộc Cty XD công trình hàng không ACC - Bộ Quốc phòng Số 178 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội	LAS- XD 289	QĐ số 139/QĐ-BXD ngày 07/4/2010 có hiệu lực đến: 07/4/2013

7	Phòng TN và kiểm định Kon Tum thuộc Cty tư vấn XD cầu đường Kon Tum Số 190 Huỳnh Đăng Thơ, Tp. Kon Tum, Kon Tum	LAS- XD 267	QĐ số 145/QĐ-BXD ngày 12/4/2010 có hiệu lực đến: 12/4/2013
8	Phòng TN VLXD ATT thuộc Cty CP tư vấn XD và thủy điện ATT Số 171 Điện Biên, Tp. Sơn La, Tỉnh Sơn La	LAS- XD 906	QĐ số 146/QĐ-BXD ngày 12/4/2010 có hiệu lực đến: 12/4/2013
9	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty TNHH tư vấn đầu tư và XD Phú Giang Số 09 Hẻm 5 Urê, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	LAS- XD 903	QĐ số 147/QĐ-BXD ngày 12/4/2010 có hiệu lực đến: 12/4/2013
10	Trung tâm TN và kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định XD Duy Đạt B5 TT2-Tổ 18 Khu đô thị Bắc Linh Đàm, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	LAS- XD 904	QĐ số 149/QĐ-BXD ngày 13/4/2010 có hiệu lực đến: 13/4/2013
11	Phòng TN VLXD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và XD HUD403 Lô 39 Nơ 1 KĐTĐM Đông Bắc Ga - Phường Đông Thọ, Tp. Thanh Hoá	LAS- XD 518	QĐ số 150/QĐ-BXD ngày 14/4/2010 có hiệu lực đến: 14/4/2013
12	Phòng TN địa kỹ thuật thuộc Cty CP tư vấn thiết kế tổng hợp Số 44 Trần Quang Khải, Tp. Huế	LAS- XD 12	QĐ số 156/QĐ-BXD ngày 19/4/2010 có hiệu lực đến: 19/4/2013
13	Phòng TN cơ lý đất - bê tông - VLXD và kiểm định thuộc Cty TNHH Hải Sơn Số 487 Quang Trung, Tổ 27 P.Phan Thiết, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	LAS- XD 284	QĐ số 157/QĐ-BXD ngày 19/4/2010 có hiệu lực đến: 19/4/2013
14	Phòng TN kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn XD 305 Số 310 Trần Phú, Thị xã Hà Giang, Tỉnh Hà Giang	LAS- XD 905	QĐ số 158/QĐ-BXD ngày 19/4/2010 có hiệu lực đến: 19/4/2013
15	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn công nghệ XD 868 -CIENCO 8 Số 54 đường 70 - Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	LAS- XD 908	QĐ số 160/QĐ-BXD ngày 21/4/2010 có hiệu lực đến: 21/4/2012
16	Phòng TN địa kỹ thuật và VLXD thuộc Cty CP dịch vụ thương mại công nghệ và XD Số 69 Ngõ 160 Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	LAS- XD 910	QĐ số 161/QĐ-BXD ngày 21/4/2010 có hiệu lực đến: 21/4/2013

17	Phòng TN - kiểm định giao thông XD thuộc Cty CP tư vấn kiểm định giao thông XD Việt Nam Nhà 98 Ngách 155 Trường Chinh, Hà Nội	LAS- XD 911	QĐ số 162/QĐ-BXD ngày 21/4/2010 có hiệu lực đến: 21/4/2013
18	Phòng TN VLXD thuộc Cty CP tư vấn thiết kế XD Việt Pháp Số 379 Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	LAS- XD 514	QĐ số 163/QĐ-BXD ngày 22/4/2010 có hiệu lực đến: 22/4/2013
19	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn thiết kế XD Nhật Nam Số 135/1/132 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	LAS- XD 429	QĐ số 164/QĐ-BXD ngày 26/4/2010 có hiệu lực đến: 26/4/2013
20	Phòng TN địa kỹ thuật và VLXD thuộc Cty TNHH dịch vụ và phát triển địa kỹ thuật Tân Thủy Hoàng Số 52 Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, Tp. HCM	LAS- XD 538	QĐ số 166/QĐ-BXD ngày 26/4/2010 có hiệu lực đến: 26/4/2013
21	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP XD-thương mại Hoàng Trung Thôn Thiên Đông - Xã Đông Sơn - Huyện Thủy Nguyên - Tp. Hải Phòng	LAS- XD 912	QĐ số 167/QĐ-BXD ngày 26/4/2010 có hiệu lực đến: 26/4/2013
22	Phòng TN XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư Việt Hưng Số 42/3D Đường 20, P.6, Q. Gò Vấp, Tp.HCM	LAS- XD 915	QĐ số 168/QĐ-BXD ngày 26/4/2010 có hiệu lực đến: 26/4/2013
23	Phòng TN kiểm định chuyên ngành XD thuộc Cty CP INCOMTECH Số 212 Thanh Bình, P. Mộ Lao, Q.Hà Đông, Hà Nội	LAS- XD 913	QĐ số 169/QĐ-BXD ngày 26/4/2010 có hiệu lực đến: 26/4/2013
24	Phòng TN VLXD thuộc Cty CP đầu tư XD và thương mại Cát Tường Số 52 Ngõ 477 Đường Nguyễn Trãi, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	LAS- XD 888	QĐ số 172/QĐ-BXD ngày 28/4/2010 có hiệu lực đến: 28/4/2013
25	Trung tâm TN - kiểm định chất lượng công trình thuộc Tập đoàn tư vấn đầu tư XD Hải Lý Số 35 Lê Công Thanh, Tp. Phủ Lý, Hà Nam	LAS- XD 916	QĐ số 173/QĐ-BXD ngày 28/4/2010 có hiệu lực đến: 27/4/2013
26	Phòng TN kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Trung tâm Quy hoạch và kiểm định chất lượng công trình XD - Sở XD Kon Tum Số 182 Lê Hồng Phong, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	LAS- XD 82	QĐ số 174/QĐ-BXD ngày 28/4/2010 có hiệu lực đến: 26/4/2013

- |    |  |                |   |
|----|--|----------------|---|
| 27 | Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP XD và tư vấn kỹ thuật<br>Số 67 Đường K1, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội     | LAS-<br>XD 918 | QĐ số 176/QĐ-BXD<br>ngày 29/4/2010<br>có hiệu lực đến:<br>29/4/2013 |
| 28 | Phòng nghiên cứu địa kỹ thuật thuộc Viện Thủy Công - Viện Khoa học Thủy Lợi Việt Nam<br>Số 3 Ngõ 95 Chùa Bộc, Quận Đống Đa, Hà Nội | LAS-<br>XD 268 | QĐ số 177/QĐ-BXD<br>ngày 29/4/2010<br>có hiệu lực đến:<br>29/4/2013 |

Huỳnh Phước

## Phân tích vấn đề tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng dân dụng ở Trung Quốc

### I. Xu thế tiết kiệm năng lượng

#### 1. Kết cấu bao che công trình xây dựng thay đổi

Trước đây, kết cấu bao che của công trình xây dựng thường kết hợp chức năng chịu tải trọng, giữ nhiệt, cách nhiệt, cấu tạo tương đối đơn giản, chỉ sử dụng gạch, bê tông, hoặc gỗ, tường ngoài, cửa ngoài cũng tương đối mỏng. Hiệu quả giữ nhiệt, cách nhiệt của những vật liệu này rất thấp. Ví dụ, hệ số dẫn nhiệt của tường gạch vữa thông thường là 0,81, hệ số dẫn nhiệt của vật liệu giữ nhiệt hiệu quả cao hiện nay chỉ là 0,0035 – 0,4. Dùng vật liệu giữ nhiệt hiệu quả cao, vật liệu kín khí và vật liệu phủ bề mặt có thể đạt được hiệu quả giữ nhiệt cao nhờ kết cấu nhiều tầng mỏng. Đồng thời, tường bao ngoài công trình xây dựng cũng có nhiều thay đổi, chủng loại thủy tinh đa dạng, tính năng giữ nhiệt cũng được cải thiện nhiều.

Tường công trình xây dựng thường dùng các vật liệu đơn nhất như tường gạch rỗng, tường bê tông bọt khí... Gần đây, do nhu cầu tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng tăng cao, mà hệ số dẫn nhiệt của vật liệu đơn nhất tương đối lớn, thường cao gấp 20 lần so với vật liệu giữ nhiệt hiệu quả cao, không thể đáp ứng nhu cầu giữ nhiệt cách nhiệt. Bởi vậy, thường sử

dụng kết hợp vật liệu chịu tải trọng với vật liệu giữ nhiệt hiệu quả cao. Lại chia ra làm nhiều phương thức tùy theo vị trí của vật liệu giữ nhiệt.

#### 2. Hệ thống cung cấp nhiệt thay đổi

Trước đây, hệ thống cung cấp nhiệt trong công trình xây dựng thường sử dụng đường ống tiếp nối với hệ thống khí nóng, hoặc từng nhà dùng lò sưởi. Vấn đề là nhiệt độ trong nhà nóng lạnh không đều, khó điều chỉnh, không thể tính được nhiệt năng đã sử dụng. Kỹ thuật hiện đại có thể tự động điều chỉnh nhiệt độ các nơi trong nhà; có thể tính được lượng nhiệt năng sử dụng. Hệ thống cung cấp nhiệt kiểu mới này có thể mở rộng cho cả một khu vực do một vài đô thị liên kết thành, cũng có thể thu nhỏ tới quy mô từng hộ gia đình giúp cho việc tiết kiệm tiền và tiết kiệm năng lượng.

#### 3. Kết cấu sản phẩm dùng trong công trình xây dựng thay đổi

Do các bộ phận cấu thành cơ bản của công trình xây dựng thay đổi như đã nói ở trên, nên ngành Xây dựng phải sử dụng nhiều chủng loại vật liệu giữ nhiệt, vật liệu giữ kín, vật liệu tăng cường, vật liệu kín khí, tường và cửa giữ nhiệt, hệ thống đường ống giữ nhiệt, thiết bị trao đổi nhiệt, van giữ nhiệt, van điều tiết, công tơ tính lượng nhiệt năng sử dụng... mới. Để sản xuất

các vật liệu giữ nhiệt và thiết bị cung cấp nhiệt này, nhiều ngành sản xuất mới nổi, hiện đại hình thành trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng tại các nước phát triển.

## II. Những vấn đề vấp phải trong tiết kiệm năng lượng

Bộ Xây dựng và Ủy ban cải cách phát triển Nhà nước Trung Quốc nêu ra yêu cầu tiết kiệm năng lượng và cải tạo tiết kiệm năng lượng đối với các công trình xây dựng đã có. Hiện nay, tỷ lệ chấp hành tiêu chuẩn bắt buộc về tiết kiệm năng lượng trong các công trình xây dựng mới chưa cao, công tác cải tạo tiết kiệm năng lượng trong các công trình xây dựng hiện hữu gặp nhiều khó khăn, rất khó khởi động toàn diện, còn cách xa mục tiêu tổng thể về tiết kiệm năng lượng do Nhà nước đề ra. Đây là vấn đề tồn tại tương đối phổ biến ở các nơi trong cả nước.

1- Phân tích tính chất phổ biến của vấn đề: *Thứ nhất*, toàn xã hội chưa nhận thức được ý nghĩa quan trọng của công tác tiết kiệm năng lượng và công trình xây dựng thân thiện với môi trường, thiếu tri thức cơ bản và ý thức chủ động xây dựng công trình tiết kiệm năng lượng; *hai là*, thiếu pháp quy mang tính địa phương khả thi bắt buộc các chủ thể lợi ích phải tích cực tham gia; *thứ ba là* thiếu các chính sách khuyến khích và hỗ trợ hữu hiệu đối với công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng; *bốn là*, chưa hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn tổng hợp về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, tiết kiệm vật liệu và bảo vệ môi trường trong công trình xây dựng; *năm là*, thiếu hệ thống giám sát quản lý hành chính hiệu quả.

2- Phân tích từ góc độ ngành chủ quản hành chính xây dựng, tồn tại vấn đề thiếu pháp quy cụ thể mang tính địa phương, khả thi. Xây dựng công trình trong giai đoạn hiện nay chủ yếu phải chấp hành các quy định bắt buộc về công trình xây dựng. Do Nhà nước chưa ban hành luật tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng, địa phương cũng không có pháp quy

tương ứng nên nếu công trình xây dựng không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật tiết kiệm năng lượng, ngành chủ quản xây dựng chỉ có thể tiến hành giám sát quản lý dựa vào các điều khoản bắt buộc trong “Điều lệ quản lý chất lượng công trình xây dựng”. Đánh đồng tiết kiệm năng lượng với các yêu cầu bắt buộc khác đối với công trình xây dựng, khiến cho việc chấp pháp trong công tác tiết kiệm năng lượng ở công trình xây dựng thiếu cơ sở pháp luật, giám sát quản lý không mạnh, đây là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho khó nhân rộng công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng.

3 - Phân tích từ góc độ bồi dưỡng chính sách, môi trường và thị trường công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng. Hiện nay, Trung Quốc thiếu chính sách khuyến khích kinh tế để phát triển thị trường công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng. Về mặt kinh tế, tiết kiệm năng lượng có liên quan tới việc cân đo đong đếm lợi ích ngắn hạn và dài hạn như đầu tư ban đầu, chi phí vận hành, chi phí duy tu, chi phí cải tạo... Trong điều kiện vốn đầu tư có hạn, chủ công trình thường không chủ động áp dụng các biện pháp và kỹ thuật tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng. Nếu không có biện pháp khuyến khích kinh tế, đơn vị xây dựng thực hiện tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng sẽ rất khó đối mặt với những rủi ro và trở ngại ban đầu trên thị trường. Chính sách khuyến khích của chính quyền về tài chính, thuế... sẽ giúp đỡ mạnh mẽ đơn vị xây dựng vượt qua khó khăn trong thời kỳ mở mang thị trường, cuối cùng họ hình thành và ổn định thị trường công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng dưới sự chỉ đạo dẫn dắt của chính quyền và vận hành kinh doanh của đơn vị xây dựng.

4 - Phân tích dưới góc độ lợi ích kinh tế mà chủ công trình và nhà thầu theo đuổi, chênh lệch giá thành của vật liệu tiết kiệm năng lượng cản trở bước phát triển của công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng. Công trình xây dựng

muốn tiết kiệm năng lượng, tất nhiên phải tăng thêm chi phí xây dựng. Công ty phát triển nhà đất chịu trách nhiệm xây dựng nhà cửa, không phải là người xây dựng, nên khi thiết kế và xây dựng công trình họ không quá quan tâm tới vấn đề tiết kiệm năng lượng. Ngay cả khi họ thực sự biết về công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng thì khi thực hiện cụ thể, họ cũng chỉ giới hạn ở bề ngoài công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng, chỉ làm “ví dụ” ở kết cấu bảo vệ xung quanh, chứ không chú tâm ứng dụng kỹ thuật tiết kiệm năng lượng sâu hơn. Một bộ phận công ty phát triển nhà đất hiện nay chẳng thà đầu tư cao vào vườn hoa, tiết kiệm mặt bên ngoài của công trình xây dựng để bán chạy hàng còn hơn là quan tâm quá nhiều về áp dụng biện pháp tiết kiệm năng lượng.

5 - Phân tích từ góc độ giá thành công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng mà quần chúng có thể chấp nhận, giá thành công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng cao hơn. Công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng hạ thấp tiêu hao tiết kiệm năng lượng, sử dụng hệ thống thiết bị tiết kiệm năng lượng. Một mặt, hạ thấp tiêu hao năng lượng có thể được thực hiện thông qua các biện pháp như hoàn thành bố cục hợp lý mặt bằng công trình xây dựng, lựa chọn hướng công trình hợp lý, giảm bớt một cách thích đáng diện tích cửa sổ..., những biện pháp này sẽ không làm tăng giá thành công trình. Mặt khác, muốn đạt được mục tiêu tiết kiệm năng lượng, còn cần phải nâng cao tính năng của cửa ra vào và cửa sổ, lựa chọn loại kính rỗng. Khi ý thức tiết kiệm năng lượng chưa thấm sâu vào từng người, giá cả công trình cao hay thấp trực tiếp ảnh hưởng tới việc lựa chọn mua nhà của người dân, đó là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới quyết sách, biện pháp tiết kiệm năng lượng của công ty phát triển nhà đất.

Muốn triển khai nhanh chóng và toàn diện công tác tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng, cần phải nắm bắt và xử lý hữu hiệu

mấy mối quan hệ sau:

- Mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng vừa cải thiện môi trường nhiệt độ trong nhà, vừa hạ thấp tiêu hao năng lượng, có thể giảm bớt thất thoát không khí trong phòng ấm, đó là những việc ích nước lợi dân phù hợp với chiến lược phát triển bền vững. Hiện nay, xây dựng công trình tiết kiệm năng lượng sẽ tăng thêm giá thành đầu tư nhưng đồng thời với việc theo đuổi hiệu quả kinh tế và phát triển, còn phải quan tâm tới hiệu quả xã hội, thống nhất hữu cơ hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, quan tâm tới giá thành xã hội. Do cải thiện được môi trường trong nhà, giảm bớt đáng kể bệnh tật, nâng cao sức khỏe, vì thế tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng cũng chính là tiết kiệm giá thành xã hội.

- Mối quan hệ giữa giữa giám sát quản lý tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng xây dựng mới và cải tạo tiết kiệm năng lượng các công trình hiện hữu. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng, hai nhiệm vụ cấp bách hiện nay là cần phải giám sát quản lý mức tiêu hao năng lượng trong các công trình xây dựng xây dựng mới theo tiêu chuẩn ngặt nghèo về tiết kiệm năng lượng, đồng thời còn cần phải nhanh chóng cải tạo tiết kiệm năng lượng các công trình xây dựng đã có. Phải kiên trì nguyên tắc “hai tay nắm”: “một tay” giám sát công trình xây dựng mới, “một tay” cải tạo công trình xây dựng đã có. Xét tình hình thực tế, cải tạo công trình xây dựng đã có khó khăn hơn nhiều, cần có chính sách linh hoạt, tìm tòi biện pháp hữu hiệu hơn.

- Mối quan hệ giữa chỉ đạo dẫn dắt và cưỡng chế bắt buộc. Do đơn vị phát triển nhà đất xây dựng các công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng phải tăng thêm giá thành xây dựng nên họ không hoàn toàn tự giác. Vì vậy, một mặt cần phải thông qua biện pháp kinh tế thị trường, tiến hành chỉ đạo dẫn dắt bằng chính sách ở

các mặt như thuế, tài chính, đầu tư, gọi thầu đấu thầu, khuyến khích và giúp đỡ đơn vị xây dựng, doanh nghiệp phát triển; mặt khác, cũng cần phải thông qua các biện pháp hành chính, pháp luật cần thiết, bắt buộc các đơn vị xây dựng và công ty phát triển nhà đất chấp hành tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng. Phải chỉ đạo dẫn dắt và cưỡng chế bắt buộc, công tác tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng mới có thể tiến hành thuận lợi.

- Mối quan hệ giữa hợp tác. Tiết kiệm năng lượng là một công trình hệ thống, đòi hỏi các bên liên quan phải hợp tác phối hợp, tăng cường hợp tác và hiệu quả công tác, đồng thời mọi người cũng cần phải làm tốt việc của mình theo đúng phân công và chức trách. Xét về

ngành chính quyền, các ngành như cải cách và phát triển, xây dựng, quy hoạch, khoa học kỹ thuật, tài chính, nhà đất, giám sát kỹ thuật... cần phải hiệp đồng thúc đẩy công tác tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng theo chức trách của mình. Xét về doanh nghiệp, các đơn vị nghiên cứu khoa học, sản xuất vật liệu, thiết kế, thẩm tra bản vẽ, thi công, giám sát quản lý, xây dựng... cần phải hợp tác với nhau, nghiêm túc chấp hành những pháp quy và quy định hữu quan, thực hiện toàn diện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng.

**Tướng Thủ Kiến**

Tạp chí "Xây dựng" TQ số 21/2009

ND: Hoàng Thế Vinh

## Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

### Tập đoàn Holcim chuẩn bị xây dựng nhà máy xi măng mới tại Indonesia

Theo hãng tin Roi-tơ ngày 7/5, Tập đoàn Holcim (Thụy Sĩ) - nhà sản xuất xi măng lớn thứ 2 thế giới, đang chuẩn bị xây dựng một nhà máy xi măng mới tại Indonesia, nâng công suất xi măng của nước này thêm 15%.

Tập đoàn Holcim mới đây đã công bố sẽ đầu tư 450 triệu USD để xây dựng nhà máy xi măng nói trên tại đảo Java, nơi được ghi nhận có thị trường tiêu thụ xi măng lớn nhất của Indonesia trong năm 2009. Dự kiến nhà máy này sẽ đi vào vận hành trong nửa đầu năm 2013.

Nhà máy mới với công suất dự kiến 1,6 triệu tấn/năm, cùng với 02 nhà máy đang hoạt động và 01 trạm nghiền sẽ nâng công suất xi măng của Holcim tại Indonesia lên 8,6 triệu tấn/năm.

Sản lượng xi măng tiêu thụ của Holcim trong khu vực châu Á Thái Bình Dương đã tăng 8,3% đạt 18,2 triệu tấn trong quý I/2010. Tiêu thụ cốt liệu cũng tăng trên 4 lần đạt 6,1 triệu tấn và tiêu thụ bê tông trộn sẵn cũng tăng gần 2 lần, đạt 2,9 triệu m<sup>3</sup>.

Trong năm 2009, Công ty Holcim Indonesia

có doanh thu xấp xỉ 500 triệu USD và sử dụng khoảng 2.500 lao động.

<http://www.reuters.com/article/>

### Đắp đê bảo vệ dự án đường ống dẫn dầu Nga - Trung

Theo hãng tin Tân hoa xã ngày 7/5 - Đội cứu hộ của Trung Quốc đang nỗ lực đắp đê bao quanh công trường xây dựng đường ống dẫn dầu Nga - Trung nhằm bảo vệ cho các công nhân và thiết bị khỏi trận lụt do băng tan ở tỉnh Hắc Long Giang nằm ở phía Đông Bắc Trung Quốc. Đã có khoảng 1.200 m đê quai đã được xây dựng quanh công trường ở thị trấn Xingan thuộc hạt Mohe.

Vào ngày 2/5 vừa qua, có một khối băng trôi trên dòng sông Hắc Long Giang - đường biên giới tự nhiên giữa Trung Quốc và Nga làm mực nước sông dâng cao, đe dọa sự an toàn của công nhân và thiết bị trên công trường xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu Nga - Trung.

Công việc xây dựng 970 km đường ống dẫn dầu trên lãnh thổ Trung Quốc đã được bắt đầu từ tháng 5/2009. Tuyến đường ống này sẽ làm



nhiệm vụ chuyên chở dầu từ phía đông Sibiri đến thành phố Daqing, tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc.

<http://news.xinhuanet.com>

### **Dự án xây dựng trị giá 418 tỷ USD tại Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE)**

Theo một báo cáo phân tích mới công bố của Công ty nghiên cứu thị trường Proleads Global có trụ sở tại UAE, hiện nay có tổng cộng 1.296 dự án trị giá trên 418 tỷ USD đang và sẽ được triển khai xây dựng tại UAE.

Báo cáo nói trên đã bổ sung thêm 303 dự án với trị giá 143 tỷ USD đang trong giai đoạn thiết kế, lập quy hoạch và/hoặc đang mời thầu vừa được giới thiệu tại Triển lãm xây dựng Abu Dhabi mới khai mạc ngày 18/4 vừa qua.

Thị trường xây dựng dân dụng của tất cả các Tiểu vương quốc của UAE có 2552 dự án với tổng giá trị đầu tư lên tới 930 tỷ USD.

Trong số đó có 842 dự án với tổng giá trị hơn 350 tỷ USD đã phải tạm dừng triển khai do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và 111 dự án khác trị giá trên 14 tỷ USD đã bị hủy bỏ. Báo cáo nghiên cứu thị trường của Prolead Global nói trên chỉ khảo sát các dự án có giá trị từ 10 triệu USD trở lên.

Xét trên từng lĩnh vực, báo cáo của Prolead Global cho thấy, lĩnh vực thương mại có 462 dự án với tổng trị giá 253 tỷ USD, lĩnh vực bán lẻ có 336 dự án trị giá 148 tỷ USD với 64% số dự án đang được triển khai. Lĩnh vực xây dựng khách sạn có 392 dự án trị giá trên 162 tỷ USD với 63% số dự án được triển khai. Lĩnh vực xây dựng nhà ở có 682 dự án trị giá 306 tỷ USD. Lĩnh vực y tế và giáo dục có 680 dự án trị giá 58 tỷ USD với 64% số dự án đang được triển khai.

<http://www.newblaze.com>

**Biên tập tin: Quỳnh Anh**

## **Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân hội đàm với Bộ trưởng Maehara Seiji - Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản**

Sáng ngày 03/5/2010 tại Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã tiếp và hội đàm với Ngài Maehara Seiji - Bộ trưởng Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản (MLIT). Cùng dự buổi hội đàm, về phía đoàn đại biểu Nhật Bản có ông Mitsuo Sakaba - Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, các quan chức của MLIT, Bộ Ngoại giao và lãnh đạo các doanh nghiệp Nhật Bản tháp tùng Bộ trưởng Maehara Seiji trong chuyến sang thăm và làm việc tại Việt Nam, về phía Việt Nam có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng và một số doanh nghiệp ngành Xây dựng.

Mở đầu buổi hội đàm, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã phát biểu chào mừng ngài Bộ trưởng Maehara Seiji, Đại sứ Mitsuo Sakaba và các quan chức trong đoàn đại biểu Nhật Bản đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng Việt Nam, và cho rằng, chuyến thăm của Bộ trưởng Maehara Seiji đến Việt Nam lần này có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa hai Bộ, hai đất nước.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, hai nước Việt Nam, Nhật Bản đã có quan hệ hợp tác từ lâu và quan hệ đó đã được nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược. Chính phủ và nhân dân Việt Nam hết sức cảm ơn Chính phủ và nhân dân Nhật Bản trong những năm qua đã có nhiều sự giúp đỡ, hỗ trợ cho công cuộc phát triển của Việt Nam. Bên cạnh các khoản viện trợ ODA mà Chính phủ Nhật Bản giành cho Việt Nam còn có sự hiện diện của nhiều doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, đóng góp vào việc chuyển giao kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý cho các doanh nghiệp của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng.

Thay mặt đoàn đại biểu Nhật Bản, Bộ trưởng Maehara Seiji đã cảm ơn sự đón tiếp



*Toàn cảnh buổi Hội đàm*

của Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân và các quan chức Bộ Xây dựng Việt Nam. Bộ trưởng Maehara Seiji cho biết, Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản hết sức coi trọng mối quan hệ hợp tác với Việt Nam. Thông qua viện trợ ODA, các dự án hợp tác kỹ thuật của JICA, Bộ trưởng Maehara Seiji hy vọng Việt Nam ngày càng phát triển và mối quan hệ giữa hai nước ngày càng bền chặt.

Tại cuộc Hội đàm, hai bên đã trao đổi một số nội dung hợp tác, bao gồm MLIT giúp Bộ Xây dựng Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng công trình ngầm, công trình đặc thù (tàu điện ngầm, đường sắt trên cao) nâng cao năng lực quy hoạch, nâng cao năng lực quản lý chất lượng công trình xây dựng, xây dựng cơ chế thu hút nguồn lực tư nhân tham gia các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cấp nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải theo hình thức hợp tác Nhà nước - tư nhân (PPP), đào tạo cán bộ quản lý đô thị ... Hai bên đã nhất trí trong thời gian sắp tới sẽ cùng nhau xem xét cụ thể về cơ chế hợp tác, có thể thông qua JICA hoặc hợp tác trực tiếp giữa MLIT và Bộ Xây dựng Việt Nam.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, việc trước mắt cần thiết ngay là xây dựng hệ thống

tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch xây dựng công trình ngầm trong đô thị. Năm 2009, Bộ Xây dựng Việt Nam đã trình Quốc hội thông qua và ban hành Luật Quy hoạch đô thị và hiện đang xây dựng Luật Quản lý đô thị. Trong những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang diễn ra rất nhanh, bình quân mỗi tháng ở Việt Nam xuất hiện 01 đô thị. Sự phát triển của các đô thị còn nhiều bất cập, không được xây dựng một cách đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Trong 10 năm tới, mức độ đô thị hóa của Việt Nam sẽ vào khoảng 48-50% so với 30% hiện nay. Bên cạnh việc xây dựng thể chế và pháp luật, Bộ Xây dựng Việt Nam mong muốn MLIT hỗ trợ và giúp đỡ trong việc đào tạo cán bộ quản lý đô thị để đảm bảo cho sự phát triển đô thị ở Việt Nam ổn định và bền vững.

Bộ trưởng Maehara Seiji cho biết, để giúp Việt Nam nâng cao năng lực quy hoạch và quản lý đô thị, MLIT đã cử chuyên gia sang Việt Nam làm việc trong 2 năm 2009 -2010 theo dự án của JICA. Trong tháng 5/2010, MLIT sẽ tiếp tục cử các chuyên gia về lĩnh vực quản lý chất lượng xây dựng, xử lý nước thải và chất thải rắn sang giúp Việt Nam. MLIT sẽ hết sức cố gắng phối hợp với Bộ Xây dựng Việt Nam thực hiện các công việc theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Phát biểu kết thúc cuộc Hội đàm, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân một lần nữa cảm ơn Bộ trưởng Maehara Seiji đã đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng Việt Nam và bày tỏ mong muốn sự hợp tác lâu dài giữa hai Bộ trong tương lai.

Minh Tuấn

## Hội thảo quốc tế: Các giải pháp đầu tư, sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung

Ngày 5/5/2010, tại Hà Nội, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Hội Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng đã phối hợp tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề: Các giải pháp đầu tư, sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung.

Tới dự Hội thảo có: Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, Chủ tịch Tổng Hội XDVN Trần Ngọc Hùng, Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam - TS. Trần Văn Huỳnh, ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT TCty Vinaconex, cùng các đại biểu đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Cục, Vụ, Viện, Hội, Hiệp hội ngành nghề, các trường đào tạo, đại diện Sở Xây dựng, Sở KHCN, Sở Công thương của trên 20 tỉnh thành, đại diện của các tập đoàn, Công ty, TCy XD, các nhà đầu tư, các công ty nước ngoài và đông đảo các phóng viên báo đài cùng tham dự.

Theo thống kê, để sản xuất 1 tỷ viên gạch



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Hội thảo

đất sét nung có kích thước tiêu chuẩn sẽ tiêu tốn khoảng 1.500.000m<sup>3</sup> đất sét, tương đương 75ha đất nông nghiệp, và 150.000 tấn than, thải ra khoảng 0,57 triệu tấn khí CO<sub>2</sub>, gây hiệu ứng nhà kính và các khí thải độc hại khác gây ô nhiễm môi trường. Nếu cứ kéo dài tình trạng

trên, trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ bị mất đất canh tác, tiêu tốn hàng triệu tấn than mỗi năm, gây ô nhiễm môi trường trầm trọng, nên việc từng bước triển khai thay thế gạch đất sét nung bằng vật liệu xây không nung (VLXKN) sẽ đem lại nhiều hiệu quả tích cực về mặt kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, đồng thời sẽ hạn chế các bất lợi trên, ngoài ra còn giúp tiêu thụ một phần đáng kể phế thải các ngành khác như: nhiệt điện, luyện kim, khai khoáng... góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm chi phí xử lý phế thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hướng tới một đất nước phát triển bền vững.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, tại Hội nghị Berlin - Đức năm 2000, các chuyên gia đã thống nhất khái niệm phát triển đô thị bền vững là: “Nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị bao hàm việc phát triển kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội và hài hoà môi trường sinh thái mà không để lại gánh nặng cho thế hệ mai sau. Gánh nặng ở đây được hiểu là hậu quả của các khoản nợ khổng lồ và cạn kiệt tài nguyên. Mục tiêu là nhằm hướng tới sự cân bằng trong sử dụng tài nguyên và năng lượng với tiềm năng tài chính thể hiện vai trò quan trọng của nó trong việc ban hành các chính sách về phát triển đô thị của mỗi quốc gia”.

Do vậy chính sách phát triển bền vững đối với ngành VLXD đã được xác định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008. Để thực hiện quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã nêu trong Quyết định, Bộ Xây dựng đã xây dựng “Chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020” và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010.

Quyết định gồm 5 Điều, với các quan điểm phát triển yêu cầu phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển VLXD ở Việt Nam đến năm 2020; đáp ứng nhu cầu sử dụng của xã hội; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất nông nghiệp, đảm bảo

an ninh lương thực quốc gia, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa các nguồn phế thải các ngành công nghiệp khác; phát triển các cơ sở sản xuất với quy mô công suất hợp lý, công nghệ tiên tiến, từng bước nội địa hoá việc chế tạo thiết bị cho dây chuyền sản xuất vật liệu không nung, đa dạng hoá về kích thước sản phẩm phù hợp với thực tế thi công các công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Mục tiêu phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN thay thế đất sét nung đạt tỷ lệ: 20-25% vào năm 2015, 30-40% vào năm 2020. Để đáp ứng nhu cầu vật liệu xây cung cấp cho các công trình xây dựng hàng năm vừa phải vừa sản xuất gạch đất sét nung truyền thống vừa phát triển VLXKN. Vì vậy, định hướng cho việc phát triển vật liệu xây trong thời gian tới sẽ là: đối với gạch nung phải giảm khí thải độc hại, tiết kiệm nguyên liệu, có khả năng cơ giới hoá và tự động hoá trong sản xuất, ưu tiên phát triển công nghệ lò tuynet, từng bước xoá bỏ lò thủ công; đối với VLXKN, để phát triển đúng lộ trình mà Chính phủ đặt ra, cần phải có định hướng phát triển về công nghệ, quy mô sản xuất và sử dụng cho các chủng loại sản phẩm như: gạch xi măng – cốt liệu, gạch nhẹ, gạch bê tông khí chưng áp (AAC), gạch từ bê tông bọt, gạch khác (đá chẻ, gạch đá ong, gạch silicat...), đồng thời, tăng cường tổ chức tuyên truyền về sản xuất và sử dụng VLXKN.

Để triển khai kịp thời Chương trình, Bộ Xây dựng, Hội Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng đã phối hợp tổ chức Hội thảo này. Nội dung chủ yếu của Hội thảo là nhằm công bố Quyết định của Thủ tướng phê duyệt Chương trình phát triển VLXKN và các bài giới thiệu của các diễn giả trong nước và quốc tế. Hội thảo là cơ hội tốt cho các đại biểu cùng chia sẻ kinh nghiệm trong và ngoài nước về công nghệ, thiết bị mới sản xuất VLXKN như: Dây chuyền sản xuất bê tông khí AAC của hãng ShanDong DongYue, Jiangsu TeeYer, Masa Henke, bê

tông khí chứng áp E-BLOCK của Cty CP Gạch khối Tân Kỳ Nguyên; gạch bê tông nhẹ, bê tông bọt của Cty CP chế tạo & sản xuất vật liệu mới Trung Hậu; sản phẩm tấm thạch cao của Gyproc 5 sao, vật liệu 3D của Cty TNHH 3D, gạch không nung từ đất bằng polymer hoá và phế thải của Cty CP Công nghệ & Thương mại Huệ Quang.

Theo TS. Trần Văn Huynh – Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam, để khuyến khích đầu tư và phát triển sản xuất VLXKN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cần có nhiều chính sách ưu đãi áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân như: được miễn hoặc miễn giảm tiền thuê đất, sử dụng đất tùy theo từng trường hợp, ưu đãi về thuế nhập khẩu, vay vốn, soát xét, hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật, các quy trình, quy phạm, hướng dẫn thi công và các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến sản xuất và sử dụng VLXKN, tạo điều kiện cho các nhà tư vấn, thiết kế đưa VLXKN vào công trình, cần tổ chức công tác tuyên truyền, thông tin để cho các cơ quan quản lý nhà nước, các chủ thể trong hoạt

động xây dựng và mọi người dân nhận thức rõ những ưu điểm, lợi thế trong việc sản xuất, sử dụng VLXKN, đồng thời thấy được những tác động tiêu cực của việc sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung không theo quy hoạch, để tập trung mọi năng lực phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN, góp phần phát triển ngành công nghiệp VLXD nước ta hiện đại và bền vững.

Thông qua Hội thảo, sẽ cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, các nhà đầu tư, tư vấn nghiên cứu thiết kế và các nhà sản xuất những thông tin mới nhất về công nghệ cũng như thiết bị mới sản xuất VLXKN hướng tới sự phát triển bền vững của ngành VLXD.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã bày tỏ lời cảm ơn tới các doanh nghiệp, các nhà quản lý, các đại biểu đã đến tham dự, đặc biệt biểu dương Hội VLXD Việt Nam đã nhiệt tình và chủ động trong việc tổ chức tuyên truyền phổ biến Chương trình, góp phần tích cực đưa Chương trình vào thực tiễn cuộc sống.

Bích Ngọc

## **Nhà máy xi măng Hạ Long chính thức khánh thành**

Ngày 12/5/2010, Công ty Cổ phần xi măng Hạ Long đã long trọng tổ chức Lễ Khánh thành nhà máy chính - nhà máy xi măng Hạ Long tại xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh. Tới dự Lễ Khánh thành nhà máy có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Nguyễn Văn Thành; Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam Dương Khánh Toàn; đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương; lãnh đạo các Sở, ngành tỉnh Quảng Ninh; đại diện lãnh đạo Tập đoàn F.L.Smidth - Đan Mạch; lãnh đạo các đơn vị là cổ đông chính và các nhà thầu tham gia xây dựng nhà máy; các ông Trịnh Văn Minh - Chủ tịch HĐQT và ông Bùi Văn Luyện - Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán



bộ, công nhân viên Công ty Cổ phần xi măng Hạ Long.

Phát biểu khai mạc Lễ Khánh thành nhà máy, Chủ tịch HĐQT Trịnh Văn Minh cho biết, Dự án nhà máy xi măng Hạ Long được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư tại Quyết

định số 642/QĐ-TTg ngày 05/8/2002 do Cty cổ phần xi măng Hạ Long làm chủ đầu tư với 2 cổ đông chính là Tập đoàn Sông Đà và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. Nhà máy có công suất tương đương 2,07 triệu tấn xi măng PCB40/năm cho giai đoạn I và trên 4 triệu tấn xi măng PCB40/năm cho giai đoạn II, gồm Nhà máy chính đặt tại xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh và Trạm nghiền phía Nam công suất 1,22 triệu tấn xi măng/năm đặt tại khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư của dự án là 6.468 tỷ đồng, trong đó Nhà máy chính 5.068 tỷ đồng, Trạm nghiền phía Nam 1.400 tỷ đồng.

Nhà máy xi măng Hạ Long có công suất thiết kế 5.500 tấn clinker/ngày đêm, sử dụng công nghệ của hãng F.L.Smidth - Đan Mạch, sản xuất theo phương pháp khô với hệ thống lò quay hiện đại được khởi công từ tháng 6/2006. Sau 40 tháng nỗ lực thi công, nhà máy đã hoàn thành công tác xây lắp và chính thức đốt lò vào ngày 02/2/2010 và đi vào sản xuất thương mại. Các sản phẩm của nhà máy thời gian qua đã chứng tỏ được sự ổn định và chất lượng, được thị trường và người tiêu dùng chấp nhận, đánh giá cao.

Với hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ đồng bộ, hiện đại của Đan Mạch, nhà máy xi măng Hạ Long sử dụng công nghệ sản xuất xi măng tiên tiến nhất hiện nay. Toàn bộ dây chuyền sản xuất được tự động hóa, tất cả các công đoạn sản xuất được vận hành theo chu trình khép kín, từ khâu nguyên liệu đến xuất thành phẩm đều được kiểm soát chất lượng. Nhà máy được trang bị các hệ thống lọc bụi tĩnh điện, lọc bụi túi để kiểm soát lượng bụi, lượng khí thải dưới mức cho phép, đảm bảo các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường.

Nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ và đường thủy, nhà máy chính và trạm nghiền đều có cảng nước sâu có thể tiếp nhận tàu biển có trọng tải đến 20.000 DWT, bến xuất thủy có mái che phục vụ xuất hàng ngay cả

trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, nhà máy xi măng Hạ Long có đủ các điều kiện để đảm bảo cho việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa cung cấp cho thị trường cả nước.

Tại Lễ Khánh thành nhà máy xi măng Hạ Long, ông Nguyễn Văn Thành - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã đánh giá cao những nỗ lực của chủ đầu tư, các nhà thầu tham gia xây dựng nhà máy. Nhà máy xi măng Hạ Long đã góp phần quan trọng vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đầu tư trên cơ sở tận dụng những lợi thế so sánh của tỉnh Quảng Ninh như cảng nước sâu, mỏ đá, mỏ sét chất lượng cao, sử dụng nhiều lao động địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam khẳng định, sự kiện khánh thành nhà máy Xi măng Hạ Long là dấu mốc quan trọng trong chiến lược đầu tư của Tập đoàn Sông Đà. Dự án này là dự án trọng điểm trong quy hoạch phát triển VLXD Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, có quy mô công suất lớn, là một trong những nhà máy xi măng hiện đại nhất Việt Nam hiện nay, có tỷ lệ nội địa hóa cao (trên 60% khối lượng thiết bị), và do chính Tập đoàn Sông Đà làm tổng thầu thi công xây dựng, chế tạo thiết bị tại chỗ và lắp đặt thiết bị - đánh dấu sự trưởng thành của những người thợ Sông Đà.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam bày tỏ sự tin tưởng nhà máy sẽ phát huy tối đa công suất, vận hành an toàn, chất lượng sản phẩm ổn định, đóng góp cho nhu cầu xây dựng của đất nước và góp phần quan trọng trong việc điều tiết cung cầu và bình ổn thị trường xi măng theo chỉ đạo của Chính phủ. Thứ trưởng cũng lưu ý Ban lãnh đạo Nhà máy hết sức chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, giữ gìn cảnh quan của nhà máy, của vịnh Hạ Long - thắng cảnh thiên nhiên nổi tiếng thế giới và là địa điểm du lịch quan trọng của tỉnh Quảng Ninh và của đất nước.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng

Nguyễn Trần Nam cũng bày tỏ sự cảm ơn đến Đảng bộ và Chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh, huyện Hoành Bồ và xã Thống Nhất đã ủng hộ và giúp đỡ Công ty Cổ phần xi măng Hạ Long trong quá trình thực hiện dự án.

Để thể hiện sự cảm ơn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đóng góp vào hoạt động xã hội của tỉnh Quảng Ninh,

HDQT Công ty Cổ phần xi măng Hạ Long đã quyết định tặng 100 tấn xi măng cho tỉnh Quảng Ninh và 100 tấn xi măng cho huyện Hoành Bồ để giúp các đối tượng chính sách và người nghèo xây dựng nhà ở.

**Minh Tuấn**

## **Thị trấn Vĩnh Châu được công nhận là đô thị loại IV**

Ngày 22/4/2010 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 473/QĐ-BXD công nhận thị trấn Vĩnh Châu thuộc huyện Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng là đô thị loại IV.

Thị trấn Vĩnh Châu tiếp giáp với biển Đông, cách thành phố Sóc Trăng 35 km, cách thị xã Bạc Liêu 30 km, cách Côn Đảo khoảng 70 km.

Thị trấn là đô thị trung tâm của tiểu vùng phía Đông Nam của tỉnh Sóc Trăng, trong vùng kinh tế động lực nơi hội tụ của hai hành lang kinh tế chiến lược ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là hành lang kinh tế bờ Tây sông Hậu và hành lang kinh tế ven biển.

Thị trấn là đô thị trung tâm tổng hợp cấp vùng liên huyện, nằm trong vùng nghiên cứu phát triển kinh tế biển của tỉnh, là đô thị vệ tinh của thành phố Sóc Trăng có tác dụng hỗ trợ sự phát triển kinh tế, công nghiệp, dịch vụ cho thành phố Sóc Trăng và Bạc Liêu; thị trấn có hệ thống giao thông thuận lợi với các địa phương trong vùng nên là đầu mối giao thông thủy bộ rất thuận tiện phục vụ việc giao lưu với tỉnh bạn và các đô thị quan trọng của tỉnh. Thị trấn nằm trong khu vực phòng thủ trọng điểm của quân khu 9 nên là đô thị có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thị trấn Vĩnh Châu là huyện lỵ của huyện Vĩnh Châu, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện. Là huyện lỵ của một huyện có đông bào dân tộc Khmer sinh sống (chiếm trên 53% dân số toàn huyện), thị trấn là nơi thường xuyên tổ chức các

lễ hội cấp vùng liên huyện tạo nên nét văn hoá dân tộc độc đáo của người dân Khmer Nam bộ.

Trong những năm vừa qua do được tập trung các nguồn lực đầu tư cho phát triển, việc phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng đô thị đã đạt được những thành tựu tích cực, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của đô thị loại IV, đem lại cho Thị trấn một diện mạo mới, tương xứng với một đô thị huyện lỵ của tỉnh. Kinh tế tăng trưởng ổn định nhiều năm liền, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống nhân dân được nâng cao, chất lượng sống đô thị được cải thiện. Hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, kiện toàn; bộ mặt văn hoá - xã hội có sự thay đổi đáng kể; quốc phòng - an ninh ổn định; trật tự xã hội được đảm bảo. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm 2007 - 2009 đạt 16,1%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2009 đạt 34.66 tỷ đồng; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người năm 2009 là 934 USD/người; tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 là 7,42%. Tính đến năm 2009 dân số của Thị trấn là 26.283 người, mật độ dân số nội thị là 9.882 người/km<sup>2</sup>; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 76,9%; tỷ lệ đô thị hoá đạt 77,5%.

Do được quan tâm đầu tư thích đáng nên việc phát triển hạ tầng đô thị đã đạt được những kết quả khả quan. Diện tích sàn nhà ở tính trung bình đạt 13 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt gần 78,4%. Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt 4,06 m<sup>2</sup>/người; đất

dân dụng nội thị là 101 m<sup>2</sup>/người.

Hệ thống giao thông thủy bộ được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho thị trấn liên kết với các khu vực trong tiểu vùng kinh tế ven biển bờ Tây sông Hậu. Tính đến năm 2009 Thị trấn có 22 tuyến đường chính với tổng chiều dài 29,626 km; đất giao thông nội thị so với đất xây dựng đô thị đạt 19,7%; mật độ đường chính khu vực xây dựng nội thị là 14,38 km/km<sup>2</sup>; chỉ tiêu diện tích giao thông khu vực nội thị đạt 19,9 m<sup>2</sup>/người.

Việc Thị trấn Vĩnh Châu được công nhận là đô thị loại IV sẽ là tiền đề, động lực để Thị trấn

phát huy mọi nguồn lực, thế mạnh cho việc xây dựng và phát triển đô thị. Được công nhận là đô thị loại IV Thị trấn sẽ được định hướng phát triển và đầu tư nâng cấp về mọi mặt theo các tiêu chí cao hơn, quan đó sẽ mang lại bộ mặt đô thị văn minh, hiện đại và một cuộc sống tốt, tiện nghi hơn cho cư dân đô thị, đồng thời tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện, có tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Huỳnh Phước

## **Nghiệm thu tích nước hồ chứa công trình nhà máy thủy điện Sơn La**

Ngày 14/5/2010 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng đã tiến hành họp nghiệm thu tích nước công trình nhà máy thủy điện Sơn La giai đoạn I dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân.

Tham dự cuộc họp có GS.TSKH Nguyễn Văn Liên - Phó chủ tịch Hội đồng, ông Bùi Đức Hải - Phó Chủ tịch tỉnh kiêm Giám đốc Sở Xây dựng Sơn La, ông Phạm Lê Thanh - Tổng Giám đốc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), ông Lê Quang Hùng - Cục trưởng Cục Giám định nhà nước các công trình xây dựng, đại diện Bộ Công thương, các chuyên gia của Hội đồng, tổ tư vấn trường Đại học Thủy Lợi, Viện Khoa học công nghệ xây dựng, đại diện chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, ban điều hành tổng thầu.

Tại cuộc họp, Hội đồng đã nghe báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư (EVN) về chất lượng công trình và công tác chuẩn bị tích nước hồ chứa; báo cáo của tư vấn thiết kế của đại diện tư vấn thiết kế PECC1; báo cáo kết quả giám sát và đánh giá chất lượng công trình của đại diện liên danh tư vấn SMEC, Nippon Koei và J-Power; báo cáo công tác thi công xây dựng của



*Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu kết luận phiên họp của Hội đồng NTNN*

Ban điều hành tổng thầu (Tập đoàn Sông Đà); báo cáo của Tổ chuyên gia Hội đồng NTNN về chất lượng công trình; báo cáo của Viện Khoa học công nghệ xây dựng; Báo cáo của cơ quan tư vấn Đại học Thủy Lợi; báo cáo của Cơ quan thường trực Hội đồng về kết quả kiểm tra hồ sơ.

Theo các báo cáo trên, đến thời điểm hiện nay, các hạng mục công trình thủy điện Sơn La đã hoàn thành các mục tiêu tiến độ theo yêu cầu tối thiểu để có thể đóng cống dẫn dòng để tích nước hồ chứa giai đoạn I.

Đối với đập dâng không tràn, công tác thi công bê tông đầm lăn (RCC) đã thực hiện 2.439.000m<sup>3</sup>/2.667.000m<sup>3</sup> theo thiết kế, đỉnh đập cao nhất đạt cao độ 227,3m, thấp nhất đạt



cao độ 179,7m (yêu cầu tối thiểu đạt cao độ 175,0m); công tác thi công bê tông truyền thống (CVC) đã thực hiện 145.000m<sup>3</sup>/185.500m<sup>3</sup>, đỉnh đập cao nhất đạt cao độ 226,8m, thấp nhất đạt cao độ 206,1m (yêu cầu tối thiểu đạt cao độ 195,0m).

Đối với đập tràn xả lũ: bằng bê tông CVC đạt cao độ cao nhất 219,5m, thấp nhất 210,3m (yêu cầu tối thiểu 195,0m), với khối lượng thực hiện 289.100m<sup>3</sup>/337.600m<sup>3</sup> theo thiết kế.

Các hạng mục của tuyến áp lực đã được hoàn thành đáp ứng yêu cầu tối thiểu về cao độ của bê tông cửa nhận nước, hoàn thành lắp đặt 12 lưới chắn rác và 12 cửa van phẳng sửa chữa sự cố, thử khô 12 cửa van sửa chữa và sửa chữa sự cố, khối lượng lắp đặt thiết bị đã hoàn thành 100%.

Đã hoàn thành công tác khoan phun gia cố nền đập đến cao độ 211,0m, hoàn thành khoan phun màng chống thấm thân đập đến cao độ 180,0m...

Các công tác khác về thu dọn, vệ sinh lòng hồ; công tác khảo cổ, khai quật và bảo tồn di sản vùng lòng hồ; công tác di dân trong vùng lòng hồ đã được hoàn thành và có xác nhận của các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Phát biểu tại cuộc họp của Hội đồng, ông Phạm Lê Thanh - Tổng Giám đốc EVN cho biết, công trình thủy điện Sơn La được khởi

công từ tháng 12/2005, đến nay, qua hơn 4 năm thi công đã hoàn thành các hạng mục cơ bản cho công tác tích nước giai đoạn I - giai đoạn rất quan trọng để đưa công trình hồ chứa đi vào vận hành.

Trong các báo cáo cũng như quá trình thảo luận, tất cả các thành viên Hội đồng và các bên có liên quan đều nhất trí ở thời điểm hiện tại, công trình đập đảm bảo an toàn và ổn định, có thể tích nước.

Trên cơ sở báo cáo của các bên tại cuộc họp, các văn bản có liên quan, và ý kiến của thành viên Hội đồng, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân - Chủ tịch Hội đồng đã kết luận đề nghị Hội đồng nhất trí nghiệm thu giai đoạn I - tích nước hồ thủy điện Sơn La. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cũng thay mặt Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng biểu dương và ghi nhận những cố gắng của các đơn vị tham gia dự án này trong việc đáp ứng các yêu cầu tiến độ của dự án theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời yêu cầu chủ đầu tư tiếp tục rà soát, kiểm tra lại các tính toán để đảm bảo sự an toàn của đập trong quá trình vận hành hồ chứa, tăng cường công tác quan trắc và hoàn chỉnh các hồ sơ pháp lý cho công tác nghiệm thu.

**Minh Tuấn**

## **Công ty cổ phần xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh kỷ niệm 35 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì**

Ngày 13/5/2010 tại Hà Nội Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (XDBTHCM) đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì do Đảng và Nhà nước trao tặng. Đồng chí Nguyễn Thị Doan - UVBCHTW Đảng, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và đồng chí Nguyễn

Hồng Quân - UVBCHTW Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự Lễ kỷ niệm.

Đến dự Lễ kỷ niệm còn có Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, ông Đặng Huy Hoàn - Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn Xây dựng Việt Nam, các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng qua các thời kỳ, đại diện của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và các

Tổng Công ty, Công ty, các Viện nghiên cứu, trường học thuộc Bộ Xây dựng cùng với đại diện lãnh đạo Công ty và các đơn vị trực thuộc, đại diện của các thế hệ lãnh đạo và CBCNV của Công ty qua các thời kỳ.

Công ty cổ phần XDBTHCM được thành lập ngày 30/7/1975 với tên gọi lúc đầu là Cty Xây dựng 75808 - tên của Công trường xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Xây dựng và TCty Xây dựng Hà Nội giao, Cty đã đổi tên thành Cty Xây dựng số 3 năm 1977, Cty Xây dựng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh năm 1985, Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh năm 1993 và nay là Cty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh.

35 năm qua, các thế hệ CBCNV của Cty kế thừa truyền thống đoàn kết xây dựng đơn vị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Cty, đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đóng góp sức lực cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Cty đã được giao và đã hoàn thành nhiều công trình có quy mô lớn, với các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao và trong cả những điều kiện gặp nhiều khó khăn, tuy vậy tập thể CBCNV đã không ngừng phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn và đã đạt được những thành tích nổi bật. Có thể kể đến những công trình lớn và quan trọng mà Cty đã tham gia thi công ngoài Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh còn các công trình phụ trợ của Lăng, Nhà khách Chính phủ, khu ngoại giao đoàn, Trung tâm Hội nghị quốc gia, Sân vận động Mỹ Đình và nhiều công trình quy mô lớn khác, đặc biệt là Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Năm 1985, Cty được Nhà nước và Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ xây dựng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh. Đây là công trình có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao do Liên Xô viện trợ. Công trình gặp nhiều khó khăn trong thi công nhất là vào thời gian cuối khi tình hình chính trị mất ổn định ở Đông Âu và Liên Xô. Trong bối cảnh đó với sự nỗ lực của và quyết tâm của CBCNV và chuyên gia Liên Xô, dưới sự chỉ đạo

trực tiếp sát sao của Bộ Xây dựng, TCty Xây dựng Hà Nội đã tổ chức nhiều đợt thi đua quốc tế giữa CBCNV các đơn vị thi công và chuyên gia Liên Xô, có sự phối hợp của một số đơn vị trong ngành và các cơ quan ban ngành ở Hà Nội tại công trình, kết quả Cty đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là công trình đầu tiên được Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng Huy chương Vàng chất lượng.

Chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường là thời kỳ khó khăn của Cty trong việc khai thác tìm kiếm việc làm, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Cty, sự điều hành của Ban giám đốc, sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBCNV, phát huy những kinh nghiệm đã tích lũy qua nhiều năm, Cty đã từng bước vươn lên, thích nghi với cơ chế mới, đoàn kết phấn đấu trở thành đơn vị mạnh của TCty Xây dựng Hà Nội. Cty đã mở rộng địa bàn ra cả nước, đa dạng hoá ngành nghề, thi công các công trình dân dụng - công nghiệp, các công trình hạ tầng, đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị phục vụ thi công, đồng thời đầu tư nguồn nhân lực đủ sức thi công các công trình dân dụng - công nghiệp có quy mô lớn, các công trình có vốn đầu tư của nước ngoài. Với 24 công trình được tặng Huy chương Vàng chất lượng và sự đánh giá cao của khách hàng trong và ngoài nước đã khẳng định thương hiệu và sự phát triển của Cty trên thị trường.

Năm 2005 Cty thực hiện cổ phần hoá, năm 2006 hoạt động theo mô hình Cty cổ phần và đã cơ cấu lại sản xuất theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, đa sở hữu, chuyển dịch cơ cấu dịch vụ, kết hợp với xây lắp truyền thống, đầu tư thêm máy móc, thiết bị thi công các công trình cao tầng như các trung tâm thương mại: Crown Plaza, VIPCO Hải Phòng, Trung tâm điều hành và thông tin viễn thông điện lực Việt Nam,... Sản xuất của Cty ngày càng phát triển,

tăng trưởng hàng năm từ 10%-15%. Sản lượng năm 2009 là 583 tỷ đồng. Đời sống CBCNV được chăm lo chu đáo, chế độ chính sách đối với người lao động được bảo đảm, các tổ chức Đảng, đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Đảng bộ Cty luôn được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Cty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba.

Nhân kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Cty, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan thay mặt Chủ tịch nước đã trao tặng Cty Huân chương Độc lập hạng Nhì, ghi nhận những đóng góp to lớn của tập thể CBCNV Cty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng đất nước.

**Huỳnh Phước**

## **Tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh phát triển**

60 năm qua, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phúc Kiến là hình ảnh thu nhỏ của những thay đổi to lớn của công tác xây dựng đô thị Trung Quốc. Đặc biệt, sau 30 năm mở cửa cải cách, một tỉnh Phúc Kiến hài hòa, tràn đầy sức sống bên bờ biển đông nam Trung Quốc là thành quả của những nỗ lực nắm bắt cơ hội để phát triển.

### **I. Nhanh chóng xây dựng, hoàn thiện chức năng**

Các công trình hạ tầng trong các đô thị của tỉnh Phúc Kiến đã được chú trọng đầu tư xây dựng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đạt trình độ cao trong cả nước. Tỷ lệ phủ cập nước máy từ 66,4% năm 1979 đã được nâng lên tới 98,86% năm 2007, diện tích đường sá bình quân đầu người tăng từ 2,72 m<sup>2</sup> lên tới 10,98m<sup>2</sup>, xe buýt tăng từ 2,9 chiếc/10 nghìn dân lên tới 9,5 chiếc/10 nghìn người, tỷ lệ phủ xanh đô thị tăng từ 4,44% lên 37%, diện tích công viên phủ xanh bình quân đầu người nâng cao từ 1,85m<sup>2</sup> lên tới 64m<sup>2</sup>, tỷ lệ xử lý nước thải, tỷ lệ xử lý rác thải, tỷ lệ sử dụng khí đốt năm 2007 lần lượt là 66,72%, 81,62% và 97,34%, diện tích nhà ở bình quân đầu người ở khu vực đô thị tăng từ 4,3 m<sup>2</sup> lên tới 16,9 m<sup>2</sup>.

Chức năng đô thị không ngừng hoàn thiện, môi trường cư trú không ngừng cải thiện: thành phố Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến đã được trao “giải

thưởng về môi trường cư trú” của Liên hợp quốc, công trình chống lũ chống lụt của Tuyên Châu được “giải thưởng của Liên hợp quốc”, 11 dự án như công trình sinh thái hai bờ sông Mãn Giang, Phúc Châu...được giải thưởng môi trường cư trú của Trung Quốc, 6 thành phố như Phúc Châu được danh hiệu “Thành phố cây xanh cấp nhà nước”. Cả tỉnh có 4 thành phố nổi tiếng về văn hóa lịch sử cấp nhà nước, 5 thị trấn nông thôn nổi tiếng về văn hóa lịch sử cấp nhà nước, 13 khu danh thắng phong cảnh cấp nhà nước, đứng thứ 3 trong cả nước về số lượng, trong đó Vũ Di Sơn là di sản văn hóa và phong cảnh thế giới, Thổ Lô (nhà xây bằng đất) Phúc Kiến là di sản văn hóa thế giới, Thanh Nguyên Sơn, Hải Vận lần lượt là di sản văn hóa và văn hóa tự nhiên cấp nhà nước.

Đô thị hóa nhanh chóng: 60 năm qua, từ bồi dưỡng các thị trấn nhỏ tới phát triển đô thị trung tâm, từ mở mang tam giác vàng Mãn Nam tới phát triển khu vực tập trung đô thị ba vịnh lớn, từ ưu tiên phát triển vành đai đô thị phồn vinh khu vực duyên hải đông nam Phúc Kiến tới quy hoạch phát triển cân đối quần thể đô thị bờ phía tây eo biển, đường lối phát triển đô thị hóa phù hợp với thực tế tỉnh Phúc Kiến ngày càng rõ ràng, thông thoáng.

Trong cao trào mở cửa cải cách, ngành Xây dựng của tỉnh ngày càng vững mạnh: Ngành

Nhà đất, ngành Xây dựng trở thành các ngành sản xuất trụ cột, làm giàu cho dân, ngành tư vấn khảo sát thiết kế trở thành ngành sản xuất mới nổi, ngành công cộng thị chính trở thành ngành sản xuất dân sinh được quan tâm nhất. Sự nghiệp xây dựng đô thị và nông thôn có xu thế phát triển mạnh mẽ, ở một khía cạnh nào đó thể hiện tập trung thành tựu to lớn của đất nước Trung Quốc mới 60 năm qua. Nhìn lại quá trình 60 năm qua, tỉnh Phúc Kiến đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

## **II. Phát triển phục vụ, xoay quanh trọng tâm**

Sau khi đất nước Trung Quốc mới được thành lập 30 năm, Phúc Kiến ở “mặt trận tiền duyên” đối diện với Đài Loan, đầu tư xây dựng đô thị và nông thôn rất ít, phát triển tương đối chậm. Sau hội nghị toàn thể Trung ương Đảng lần thứ 11 khóa 3, công tác xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Phúc Kiến bước vào giai đoạn phát triển mới. Phúc Kiến lấy quy hoạch đô thị làm phương hướng chỉ đạo, phục vụ đại cục xây dựng. Năm 1980, tỉnh Phúc Kiến sửa đổi quy hoạch tổng thể thành phố Hạ Môn, phác thảo những nét cơ bản cho phát triển đặc khu kinh tế; hai lần sửa đổi quy hoạch tổng thể đô thị Phúc Châu vào năm 1980 và năm 1986, định vị thành phố cảng ven biển mở cửa đối ngoại và xác định phương hướng phát triển cho tỉnh ly; năm 1986 hoàn thành quy hoạch đô thị cho các thị trấn cấp huyện trong toàn tỉnh; năm 1990, hoàn thành quy hoạch thị trấn nhỏ và thôn xóm. Như vậy, công tác quy hoạch đô thị và nông thôn tỉnh Phúc Kiến đã trải qua quá trình từ không tới có, chỉ đạo xây dựng bằng quy hoạch. Năm 2000, quy hoạch hệ thống thị trấn tỉnh Phúc Kiến được Quốc Vụ viện phê chuẩn cho thực hiện, lần đầu tiên Phúc Kiến có “bản chỉ dẫn” đô thị hóa. Trong những giai đoạn khác nhau, tỉnh Phúc Kiến còn liên tục đưa ra các chính sách và biện pháp như bồi dưỡng thị trấn nhỏ, kinh doanh đô thị, nhanh chóng xây dựng đô thị trung tâm, xây dựng liên minh đô thị,

soạn thảo quy hoạch phát triển cân đối quần thể đô thị..., thúc đẩy đô thị hóa phát triển nhanh chóng. Theo yêu cầu đẩy mạnh thực hiện dự án của Đảng bộ và chính quyền tỉnh, Phúc Kiến chú trọng kinh doanh, phục vụ và hiệu quả, nhanh chóng xây dựng công trình hạ tầng đô thị, đồng thời quan tâm giải quyết các vấn đề công cộng như cung ứng nước sạch, khí đốt, xử lý nước thải và rác thải, giao thông công cộng..., thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh chóng và liên tục. Thực tiễn đã chứng minh, phát triển là tất nhiên, nếu không xây dựng quan niệm phát triển là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, không đồng tâm nhất trí để hành động vì phát triển, Phúc Kiến sẽ không thể có được những tiến bộ như ngày nay.

## **III. Nắm bắt cơ hội, dũng cảm đi tiên phong**

Mở cửa cải cách không hề có mô hình có sẵn, “tìm tòi mò mẫm” là chuyện bình thường. Phúc Kiến lấy “ba điều có lợi” làm tiêu chuẩn đánh giá cân đong được mất, dám nghĩ dám làm, tìm tòi đột phá khẩu, nắm bắt cơ hội phát triển. Năm 1984, tỉnh Phúc Kiến lấy ngành Xây dựng và xây dựng cơ bản làm bước đột phá, đi đầu cải cách thể chế, cải cách đơn vị xây dựng thành doanh nghiệp, thực hiện chế độ trách nhiệm khoán kinh doanh, thực hiện chế độ khoán gọn đầu tư xây dựng cơ bản và chế độ gọi thầu đấu thầu công trình, cho phép đội ngũ xây dựng nông thôn được vào thành phố nhận thầu công trình..., ngành Xây dựng bước vào thời kỳ phát triển nhanh chóng. Cuối thập kỷ 90 thế kỷ trước, các doanh nghiệp quốc doanh, doanh nghiệp tập thể phát triển trì trệ. Trong tranh luận về tính chất “xã hội chủ nghĩa” hay “tư bản chủ nghĩa”, Phúc Kiến đã gạt phăng mọi can thiệp ảnh hưởng, một mặt đẩy mạnh cải cách chế độ doanh nghiệp quốc doanh và tập thể, một mặt nới lỏng thị trường, phát triển doanh nghiệp tư doanh, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng mở mang thị trường ngoài tỉnh. Năm 2001 và năm 2002, tỉnh Phúc Kiến liên tục

cho ra đời 4 văn kiện chính sách làm sống động thị trường nhà đất cấp II, tồn lượng nhà đất trở nên linh hoạt, khuyến khích tiêu dùng, thúc đẩy đầu tư, khiến cho thị trường nhà đất khôi phục và phát triển. Năm 2003, chính quyền tỉnh đưa ra “Một vài ý kiến về việc nhanh chóng cải cách và phát triển ngành Xây dựng”, xóa bỏ rào cản chính sách, cải cách quyền tài sản trong ngành Xây dựng, điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất. Tỷ lệ thành phần kinh tế cổ phần và phi quốc doanh trong ngành Xây dựng toàn tỉnh tăng lên nhanh chóng, từ 20% năm 2002 phát triển lên tới con số 91% hiện nay, khiến cho ngành Xây dựng tràn đầy sức sống, tổng giá trị sản lượng của ngành Xây dựng toàn tỉnh ba năm tăng lên gấp đôi, giá trị sản lượng ngoài tỉnh tăng lên ba lần, hoàn thành trước thời hạn 2 năm mục tiêu tổng giá trị sản lượng đạt mức một trăm tỷ NDT, thu nạp hơn 1 triệu sức lao động dư thừa của nông thôn. Năm 2006, chính quyền tỉnh đưa ra “Một vài ý kiến về việc tiếp tục phát triển ngành Xây dựng”, chứng tỏ ngành Xây dựng tỉnh Phúc Kiến bước sang giai đoạn phát triển mới. Sự nghiệp công cộng thị chính là “cửa ải” cuối cùng của cải cách lĩnh vực xây dựng. Tới năm 2008, lại một lần nữa, tổng giá trị sản lượng của ngành xây dựng toàn tỉnh ba năm tăng lên gấp đôi, đột phá kỷ lục 200 tỷ NDT. Năm 2001, tỉnh Phúc Kiến dẫn đầu cả nước trong việc đề ra văn kiện chính sách đẩy mạnh công nghiệp hóa việc xử lý nước thải và rác thải, xây dựng chế độ thu lệ phí xả nước thải và thu lệ phí xử lý rác thải, cho phép các doanh nghiệp phi quốc doanh đi vào lĩnh vực mới mẻ này, thu hút nhiều bên đầu tư tham gia xây dựng, kinh doanh và quản lý công trình xử lý nước thải và rác thải, trình độ xử lý nước thải rác thải đô thị từ mức thấp nhanh chóng đạt tới mức tiên tiến trong cả nước. Năm 2008, tỉnh Phúc Kiến thực hiện trước thời hạn mục tiêu của thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ 11 mỗi một thị trấn huyện ít nhất cũng xây dựng xong một nhà máy xử lý nước thải. Thực tế chứng minh, cải cách là

động lực của phát triển, nếu không dũng cảm nắm bắt cơ hội, mạnh dạn tiến lên, chúng ta sẽ không thể bước nhanh trên con đường mới.

#### **IV. Lấy con người làm gốc, tăng cường phục vụ**

Đặc tính dân sinh của ngành Xây dựng rất rõ nét, tăng cường xây dựng đội ngũ, tạo dựng quan niệm lấy con người làm gốc, nâng cao mức độ phục vụ công cộng có tầm quan trọng đặc biệt. Từ năm 2000 tới nay, Phúc Kiến coi việc tăng cường trách nhiệm và ý thức phục vụ là trọng điểm, đốc thúc thay đổi quan niệm, thay đổi chức năng, sàng lọc, giảm bớt, trao quyền xử lý công việc trước đây vốn do chính quyền thẩm tra phê chuẩn, những công việc hành chính phải xử lý thẩm tra phê chuẩn từ 71 mục trước đây được giảm bớt chỉ còn 21 mục; các cơ quan trực thuộc tỉnh dẫn đầu xây dựng trung tâm hành chính công, áp dụng chế độ một cửa để thụ lý công việc cần thẩm tra phê chuẩn, phát triển chính quyền điện tử, công khai hóa trình tự làm việc, rút ngắn thời gian làm thủ tục và kết luận, chịu sự giám sát quản lý của xã hội; phương thức công tác cũng chuyển từ quản lý trực tiếp vi mô sang quản lý gián tiếp vĩ mô, coi trọng phục vụ hơn quản lý, chú trọng hiệu quả công việc. Các biện pháp này được Văn phòng Quốc hội Trung Quốc, Tổ chức điều tra nghiên cứu liên hợp của Văn phòng Quốc hội Trung Quốc triệt để khẳng định. Năm 2008, Phúc Kiến lại triển khai thực hiện quyền lực hành chính và quy phạm thí điểm quyền trọng tài tự do trong hành chính, xây dựng cơ chế thực hiện quyền lực hành chính trong đó quyết sách, chấp hành và giám sát quản lý vừa ràng buộc lẫn nhau vừa hài hòa với nhau. Ngoài ra, mấy năm gần đây, Phúc Kiến còn chú trọng ưu tiên giao thông công cộng, xây dựng chế độ bảo hiểm nhà ở, triển khai phong trào “Hành động làm sạch nông thôn”..., hết sức quan tâm tới nông dân. Cụ thể, Phúc Kiến triển khai hai đợt “Triển lãm kiến trúc xanh và tiết kiệm năng lượng” do Bộ Xây dựng và chính quyền tỉnh

Phúc Kiến cùng tổ chức, khiến cho ý thức tiết kiệm năng lượng thấm nhuần tới từng hộ gia đình. Trong phòng chống thiên tai và cứu trợ trận động đất Tứ Xuyên, tỉnh đã khởi động cơ chế cảnh báo, phản ứng kịp thời, giúp đỡ nhân dân vùng bị thiên tai giải quyết khó khăn, hoàn thành trước thời hạn nhiệm vụ xây dựng 36.522 căn nhà tạm cho nhân dân vùng Tứ Xuyên, tỏ rõ năng lực ứng phó của hệ thống xây dựng tỉnh Phúc Kiến đối với sự việc đột xuất. Thực tế chứng minh, phát triển khoa học, lấy con người làm gốc mang lại vũ đài thể hiện rộng lớn cho ngành Xây dựng, đồng thời cũng đưa ra đòi hỏi cao hơn về nâng cao trình độ quản lý xã hội và phục vụ công cộng, xây dựng chính quyền có chức năng phục vụ.

#### **V. Sáng tạo chế độ mới, bảo đảm cho sự phát triển**

Từ khi mở cửa cải cách tới nay, đồng thời với việc thoát khỏi sự trói buộc của thể chế kinh tế kế hoạch đối với phát triển, ngành Xây dựng, tỉnh Phúc Kiến không ngừng cải cách và hoàn thiện thị trường xây dựng trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Đứng trước tình hình rối loạn trên thị trường xây dựng và thị trường nhà đất trong thời kỳ cải cách thể chế kinh tế, Phúc Kiến dốc sức xây dựng chế độ, đưa ra đối sách đúng đắn, không ngừng cải cách cơ chế thể chế thị trường xây dựng, đề ra 15 pháp quy mang tính địa phương trong ngành xây dựng, tạo cơ sở pháp luật cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường. *Một là*, hoàn thiện chế độ. Ví dụ, sau khi chế độ trúng thầu với giá thấp nhất đã qua bình xét dự án do tài chính tỉnh Phúc Kiến đầu tư, trên thị trường xây dựng đã xuất hiện các hiện tượng bất chính. Phúc Kiến kịp thời đề ra nhiều văn kiện quy phạm nhằm ngăn chặn những hiện tượng trên, bịt kín khe hở chính sách chế độ, không ngừng hoàn thiện trật tự cạnh tranh trên thị trường xây dựng. Trong quá trình công nghiệp hóa việc xử lý nước thải rác thải đô thị, tỉnh Phúc Kiến đề ra 7 văn kiện mang tính chính sách, nói chung mỗi

năm một văn kiện, khiến cho thị trường trở nên quy phạm hóa. *Hai là*, kiên trì hành chính theo pháp luật. Tỉnh Phúc Kiến căn cứ vào vấn đề nổi cộm, triển khai công tác điều chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật các hiện tượng gọi thầu đầu thầu trái luật, lừa gạt... và các sự cố chất lượng công trình nghiêm trọng nhằm quy phạm hành vi các chủ thể trên thị trường xây dựng. *Ba là*, chú trọng xây dựng hệ thống tín dụng thị trường ngành, trọng điểm là thực hiện hợp đồng, ghi chép tín dụng an toàn chất lượng công trình, Phúc Kiến xây dựng cơ chế thưởng phạt, giữ gìn trật tự thị trường công khai và công bằng, lập hồ sơ tín dụng xây dựng; kết hợp xử lý hành vi hối lộ, tăng cường ngăn ngừa ở các khâu để sinh ra tiêu cực, hình thành 4 chế độ quản lý hoạt động gọi thầu đầu thầu, điều chỉnh quy hoạch nhà đất, quy phạm thị trường nhà đất, hồ sơ doanh nghiệp và công dân vi phạm pháp luật trên thị trường xây dựng, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực xây dựng. Thực tế chứng tỏ, xây dựng chế độ pháp trị và sáng tạo chế độ mới là sự bảo đảm cho thị trường xây dựng phát triển lành mạnh.

#### **VI. Giải quyết ổn thỏa các mâu thuẫn, thúc đẩy phát triển hài hòa**

Cải cách là quá trình cơ cấu kinh tế có những thay đổi sâu sắc, nhu cầu lợi ích đa nguyên, mâu thuẫn xã hội không ngừng xuất hiện. Nhiều năm qua, Phúc Kiến xuất phát từ thực tế của giai đoạn đầu chủ nghĩa xã hội, đã dùng biện pháp phát triển để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tiến lên, đặc biệt quan tâm giải quyết những vấn đề thực tế nhất, trực tiếp nhất được quần chúng chú tâm nhất như quy phạm hành vi di dời, thiết thực uốn nắn các vấn đề xâm phạm quyền lợi quần chúng trong di dời nhà cửa đô thị. Từ năm 2005, Phúc Kiến dùng thời gian 3 năm để cơ bản giải quyết vấn đề thiếu nợ tiền lương công nhân thời vụ và thiếu nợ tiền công trình trong lĩnh vực xây dựng. Đồng thời, không ngừng hoàn thiện chế độ thông báo quy hoạch đô thị nông thôn, điều tra

giá cả trong ngành, công khai thông tin chính quyền..., không ngừng khơi thông các nguồn thông tin cho quần chúng tham gia quyết sách, giám sát các dự án xây dựng đô thị quan trọng có quan hệ mật thiết với lợi ích của họ. Mỗi khi đưa ra một chính sách công cộng quan trọng, tỉnh đều trung cầu ý kiến quần chúng, những điều này thể hiện quyết sách khoa học, dân chủ và dựa vào pháp luật, nâng cao lòng tin của người dân vào ngành hành chính xây dựng, thúc đẩy xã hội ổn định. Thực tế chứng tỏ, chỉ

có nắm chắc mối quan hệ giữa cải cách, phát triển và ổn định, điều chỉnh tốt các lợi ích, ý kiến và yêu cầu khác nhau trong lĩnh vực xây dựng, hóa giải các mâu thuẫn trong phát triển, chúng ta mới có thể xây dựng được xã hội hài hòa, thực hiện được mục tiêu tất cả vì dân.

**Lâm Hiền Phi**

*T/C “XD đô thị và nông thôn” TQ số  
12/2009*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Các công trình tổ hợp đa năng làm đẹp cho thành phố Minsk**

Có đến 2 dự án xây dựng công trình tổ hợp đa năng đang cạnh tranh vị trí nằm cạnh tòa nhà Thư viện Quốc gia tại thành phố Minsk (thủ đô của nước Cộng hòa Belarus).

Đồ án của các công trình đã được giới thiệu tại Diễn đàn đầu tư diễn ra gần đây tại thành phố Minsk với sự tham gia của gần 450 đại biểu đến từ các nước. Một trong số các dự án được giới thiệu nhằm thu hút các nhà đầu tư và các nhà cho vay vốn tiềm năng, số dự án còn lại nhằm thu hút sự tham gia của các nhà quản lý vận hành tổ hợp thương mại, khách sạn và kinh doanh. Cả hai công trình nêu trên đều có thể được triển khai xây dựng đồng thời.

Câu chuyện được bắt đầu từ tháng 5/2008 lúc đó Chính quyền Belarus tổ chức đấu thầu quốc tế xây dựng tại khu đất liền kề với Thư viện quốc gia. Tham gia đấu thầu có 15 Cty đến từ nhiều quốc gia trong đó có Mỹ, Anh, Thụy Sĩ. Cty Zomex Overseas Limited của Vương Quốc Anh đã trúng thầu.

Dự án mới xây dựng công trình có tên là “Mayak Minska”.

Cty “Zomex Investment” trực tiếp thực hiện Dự án. Trên thế giới mới có một vài dự án tương tự về quy mô và phong cách được thực hiện tại Las Vegas (Mỹ), Macao (Trung Quốc) và Dubai (Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất).



*Công trình tổ hợp Mayak Minska*

“Mayak Minska” là dự án đầu tiên được thực hiện tại châu Âu.

Quan điểm lập dự án là xây dựng “đô thị trong đô thị”. Đây là sự bố cục kiến trúc hiện đại thống nhất có hệ thống kết cấu hạ tầng riêng. Dự án bao gồm xây dựng một trung tâm thương mại loại I diện tích trên 80.000 m<sup>2</sup>, khách sạn 4 sao 100 phòng, 400.000m<sup>2</sup> nhà ở, 200.000 m<sup>2</sup> nhà thương mại và 10.000 chỗ để xe dành cho khách và cư dân sinh sống tại tổ hợp.

Nhấn mạnh rằng đây sẽ là cách sống đô thị mới, các sân chơi cho trẻ em, đài phun nước, đường cho xe đạp, đèn trang trí đô thị và nhiều đặc trưng khác của việc trang trí đường phố cũng sẽ được sử dụng để bổ sung cho việc

trang trí khu vực trung tâm. Kết cấu hạ tầng bao gồm cả trường học, vườn trẻ và cung thể thao.

Cty dự định đến năm 2018 sẽ thực hiện tổng số 5 dự án. Ngoài “Mayak Minska” dự án “Magnit Minska” cũng được đánh giá cao.

Tổ hợp khách sạn - thương mại nhiều chức năng như tên gọi của nó sẽ được xây dựng trên đường Nhezavisimost bên cạnh ga tàu điện ngầm “Vostok”. Trong thành phần của công trình tổ hợp (do tổng thầu thiết kế - Cty BRT Engineering GmbH lập), có khách sạn cao cấp 250 phòng và khách sạn kiểu căn hộ có 80 căn hộ, trung tâm kinh doanh, trung tâm thương mại - giải trí, nhà để xe nhiều tầng sức chứa lớn, sân trượt băng nhân tạo, trung tâm thể thao - phục hồi sức khỏe.

Việc xây dựng và quản lý dự án được thực hiện bởi Cty phát triển “Belpars”. Cty được thành lập năm 2004 bởi các nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư phát triển tại thủ đô của Belarus.

Tòa nhà chính của tổ hợp được thiết kế hình chữ U trong đó phần lõm ở giữa còn hai đầu công trình vươn cao dạng tháp. Khu vực văn phòng phía Bắc có các phòng sử dụng làm văn phòng tổng diện tích sử dụng 20.000 m<sup>2</sup> và cao 15 tầng. Phần phía Nam của công trình là khách sạn cao 20 tầng. Phần trung tâm tại điểm thấp nhất có 3 tầng và mái nhà cũng được sử dụng, được kết nối về quy hoạch với các bộ phận cao tầng của toà nhà hình chữ U.

Trong khách sạn 250 phòng có tiệm Cafe và cửa hàng ăn uống, trung tâm thể thao - phục hồi sức khỏe, các phòng tiếp khách, trung bày, hội nghị kể cả các phòng đàm phán. Khách sạn kiểu căn hộ là một phần của tổ hợp khách sạn



*Công trình tổ hợp Magnit Minska*

và dành cho khách và gia đình của họ có nhu cầu sống tiện nghi trong thời gian dài tại Minsk. Khách sạn gồm có 80 căn hộ rộng rãi với nhiều mức diện tích khác nhau và gồm các loại từ căn hộ một phòng loại “Studio” cho đến căn hộ 3 phòng loại “Luk”, mỗi căn hộ đều có bếp riêng.

Trung tâm thương mại lớn tổng diện tích sử dụng 60.000 m<sup>2</sup> được bố trí trên 4 tầng trong đó có một tầng ngầm được sử dụng hoàn toàn làm siêu thị. Hoạt động thương mại được bố trí trên các tầng 1 và 2 còn tầng 3 được sử dụng làm nơi vui chơi giải trí - nghỉ ngơi có đủ điều kiện cần thiết cho việc vui chơi, nghỉ ngơi giải trí cho cả gia đình. Ngoài trượt băng nhân tạo, tại đây còn có rạp chiếu phim hoạt hình với 9 phòng chiếu, câu lạc bộ bowling và bi-a, trung tâm trò chơi thiếu nhi với nhiều trò chơi giải trí và tiệm Cafe, tiệm ăn ngoài sân và nhiều hạng mục công trình khác.

**Huyền Phước**

*Theo Báo Xây dựng Nga, số 49/2009*



# TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VIETBUILD ĐÀ NẴNG 2010 XÂY DỰNG - VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2010



Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm Vietbuild Đà Nẵng 2010



Quang cảnh Lễ Khai mạc Triển lãm